

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Đức Mạnh

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN
MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI
CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC
THỰC HIỆN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Đức Mạnh
Giảng viên hướng dẫn: Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Đức Mạnh

Mã SV: 2313401002

Lớp : QTL2701K

Ngành : KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Tên đề tài: Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu Lý luận chung về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán độc lập thực hiện
- Tìm hiểu thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện
- Tìm hiểu Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kiểm toán liên quan đến công tác kiểm toán trong doanh nghiệp.
- Các mẫu giấy làm việc của Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC
- Quy chế, quy định về kiểm toán

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị : Giảng Viên

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm Toán AASC thực hiện

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh

Đơn vị công tác: Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Bùi Đức Mạnh Chuyên ngành: Kế Toán-Kiểm Toán

Đề tài tốt nghiệp: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm Toán AASC thực hiện

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Tinh thần thái độ trong quá trình làm đề tài tốt
- Hoàn thành đúng tiến độ

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....

.....

.....

.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết rằng khóa luận tốt nghiệp với đề tài: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN" là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện, dưới sự hướng dẫn của Cô Phạm Thị Kim Oanh. Các số liệu, kết quả và nội dung trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về tính trung thực và nguyên bản của nội dung khóa luận này.

Tác giả luận văn tốt nghiệp

Mạnh

Bùi Đức Mạnh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
MỤC LỤC.....	ii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	Error! Bookmark not defined.
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Kết cấu luận văn.....	3
CHƯƠNG 1.....	5
LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP THỰC HIỆN.....	5
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH.....	5
1.1.1. Khái niệm, nguyên tắc hạch toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính	5
1.1.2. Yêu cầu quản lý đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính ...	6
1.1.3. Kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán đối với Doanh thu tài chính và chi phí tài chính	7
1.2. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	8

1.2.1. Mục tiêu của kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính	9
1.2.2. Căn cứ kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC	10
1.2.3. Khảo sát kiểm soát nội bộ khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC	11
1.2.4. Các sai phạm thường gặp trong kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính	13
1.3. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP THỰC HIỆN	14
1.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.....	14
1.3.1.1. Tìm hiểu về khách hàng, môi trường hoạt động của khách hàng và thu thập thông tin liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.....	14
1.3.1.2. Thủ tục phân tích sơ bộ.....	16
1.3.1.3. Tìm hiểu hệ thống KSNB.....	17
1.3.1.4. Đánh giá rủi ro và xác định mức trọng yếu	18
1.3.1.5. Phương pháp chọn mẫu, cỡ mẫu.....	21
1.3.1.6. Thiết kế chương trình kiểm toán.....	22
1.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	23
1.3.2.1. Khảo sát KSNB với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.....	24
1.3.2.2. Khảo sát cơ bản với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.....	26
1.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	30
1.3.3.1. Tổng hợp kết quả kiểm toán và các bút toán điều chỉnh	30
1.3.3.2. Lập biên bản Kiểm toán	31

CHƯƠNG 2.....	32
THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN	32
2.1.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC.....	32
2.1.1. Sự hình thành và phát triển	32
2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC	32
2.1.1.2. Các dịch vụ do AASC cung cấp	39
2.1.1.3. Tình hình và KQHĐKD của Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC	40
2.1.1.4. Mạng lưới khách hàng của Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC	42
2.1.2. Quy trình chung kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC	42
2.1.3. Đặc điểm tổ chức hồ sơ kiểm toán tại Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC	44
2.2.THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN.....	47
2.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính	47
2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính	68
2.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	93

2.3.NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN.....	97
2.3.1. Đánh giá về ưu điểm	97
2.3.1.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.....	97
2.3.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	98
2.3.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán	99
2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại	99
2.3.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.....	99
2.3.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán	100
2.3.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:	102
2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 3.....	103
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN	103
3.1.ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN	103
3.1.1. Định hướng phát triển của công ty trong những năm tới	103
3.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán bctc do công ty TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC thực hiện	103
3.2.NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI	

CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN.....	104
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện	105
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	105
3.3.GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN	106
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán.....	106
3.3.2. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán	108
3.3.3. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn kết thúc kiểm toán	110
KẾT LUẬN	114
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	115

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Viết đầy đủ
AASC	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
BCKT	Bảng chứng kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BCKQHĐKD	Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
BGD	Ban Giám đốc
CMKT	Chuẩn mực kế toán
CMKiT	Chuẩn mực kiểm toán
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CTKT	Công ty kiểm toán
DN	Doanh nghiệp
ĐVKH	Đơn vị khách hàng
GLV	Giấy làm việc
HĐKS	Hoạt động kiểm soát
HSKiT	Hồ sơ kiểm toán
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTCT	Kiểm tra chi tiết
KTV	Kiểm toán viên
KTĐL	Kiểm toán độc lập
PPKT	Phương pháp kiểm toán
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng giám đốc
TNNH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Bảng dự kiến rủi ro phát hiện	19
Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh gần đây của Công ty TNHH	41
Hãng Kiểm toán AASC.....	41
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp hồ sơ.....	45
Bảng 2.3: Các mẫu Giấy làm việc theo các quy trình.....	46
Bảng 2.4: Giấy làm việc 5.01 “Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động kinh doanh”	50
Bảng 2.5: Giấy làm việc 5.02 “Tìm hiểu hệ thống KSNB”	54
Bảng 2.6: Giấy làm việc 5.04 “Xác định mức trọng yếu ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán”	60
Bảng 2.7: Giấy làm việc I34 “Chương trình kiểm toán Doanh thu tài chính, Chi phí tài chính”	63
Bảng 2.8: Giấy làm việc I353 “Kiểm tra tuân thủ VAS và các quy định về lập và trình bày BCTC liên quan”.....	69
Bảng 2.9: Giấy làm việc I312 “Kiểm tra đối chiếu số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”	75
Bảng 2.10: Giấy làm việc I361 “Phân tích xu hướng biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.....	78
Bảng 2.11: Giấy làm việc I362 “Phân tích sự biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính theo tháng”.....	80
Bảng 2.12: Giấy làm việc I364 “Kiểm tra đối ứng tài khoản”	82
Bảng 2.13: Giấy làm việc I383 “Kiểm tra chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”	85
Bảng 2.14: Giấy làm việc I384 “Kiểm tra lại chênh lệch TGHD”	89
Bảng 2.15: Giấy làm việc I363 “Ước tính chi phí lãi vay”.....	91

Bảng 2.16: Giấy làm việc I391 “Đối chiếu doanh thu, chi phí tài chính với các phần hành liên quan”.....	92
Bảng 2.17: Giấy làm việc I32 “Các vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán và giải thích”	94
Bảng 2.18: Giấy làm việc I33 “Bút toán đề nghị điều chỉnh”	95
Bảng 2.19: Giấy làm việc I311: “Tổng hợp số liệu sau kiểm toán về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.....	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính do kiểm toán độc lập thực hiện đã trở thành nhu cầu tất yếu đối với hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng quản lý của các doanh nghiệp. Hoạt động kiểm toán không chỉ tạo niềm tin cho những người quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp mà còn góp phần hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố nề nếp hoạt động tài chính kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị được kiểm toán. Sự phát triển nhanh chóng của các công ty kiểm toán độc lập trong những năm qua ở nước ta đã chứng minh sự cần thiết của hoạt động kiểm toán.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, em đã có điều kiện tốt để tiếp cận với thực tế, vận dụng kiến thức đã được trang bị trong nhà trường vào thực tế từ đó củng cố kiến thức, đi sâu tìm hiểu và nắm bắt cách thức tổ chức kiểm toán trong từng loại hình. Em nhận định thấy khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính là các chỉ tiêu có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trước tình hình thực tế hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng nguồn vốn vay nên tạo ra một khoản chi phí lãi vay, khoản chi phí này chạy thẳng vào Chi phí tài chính, ngoài ra do xu hướng hội nhập, ngày càng có nhiều các giao dịch liên quan đến ngoại tệ nên việc phát sinh các khoản chênh lệch tỷ giá cũng ảnh hưởng đến Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, vì vậy nên cần chú trọng hơn trong việc kiểm toán hai khoản mục này.

Nhận thức được tính cấp thiết của vấn đề trên, thực trạng quy trình kiểm toán doanh thu và chi phí tài chính của AASC còn nhiều hạn chế và mong muốn đóng góp một phần vào việc nâng cao chất lượng cho hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính, em đã quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài: “*Hoàn thiện quy*

trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện”.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

Đề tài được nghiên cứu nhằm đạt được những mục đích sau:

- Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do kiểm toán độc lập thực hiện;

- Mô tả thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Qua đó đánh giá những ưu, nhược điểm và tìm ra nguyên nhân của thực trạng;

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do công ty kiểm toán độc lập thực hiện.

Phạm vi nghiên cứu: Quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện là một khoản mục trong cuộc kiểm toán BCTC. Khi kết thúc kiểm toán không lập báo cáo kiểm toán mà chỉ lập biên bản kiểm toán.

Thời gian nghiên cứu: Cuộc kiểm toán BCTC cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2023.

Thời gian thực hiện kiểm toán: Quý 1 năm 2024.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Ý nghĩa khoa học: Luận văn đã hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính do kiểm toán độc lập thực hiện.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn đã nghiên cứu và đánh giá thực trạng về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, mô tả sự vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác kiểm toán BCTC tại AASC và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục này.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận chung: Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử kết hợp với tư duy và khoa học logic.

- Phương pháp kỹ thuật: Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp như: Nghiên cứu cơ sở lý luận và các quy định pháp lý có liên quan về kiểm toán BCTC, quan sát trực tiếp thực tế tại đơn vị khách hàng, trao đổi với các KTV của công ty, so sánh, đối chiếu, tổng hợp kết quả,...

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các danh mục chữ viết tắt, danh mục sơ đồ bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do KTĐL thực hiện.

Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO KIỂM TOÁN

ĐỘC LẬP THỰC HIỆN

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

1.1.1. Khái niệm, nguyên tắc hạch toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

❖ Doanh thu tài chính:

Doanh thu tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế trong DN thu được từ hoạt động tài chính hoặc hoạt động kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Khoản mục Doanh thu tài chính được trình bày tại chỉ tiêu mã số 22 trên Báo cáo KQHĐKD và thuyết minh VII.4 trên Thuyết minh BCTC.

❖ Chi phí tài chính:

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của DN.

Chi phí tài chính gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết;
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do bán ngoại tệ...

Khoản mục Chi phí tài chính được trình bày tại chỉ tiêu mã số 22 trên Báo cáo KQHĐKD và thuyết minh VII.5 trên Thuyết minh BCTC.

1.1.2. Yêu cầu quản lý đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN.

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

Hạch toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính phải tuân thủ các quy định, chính sách phức tạp, như là các quy định về tỷ giá hối đoái, quy định về thuế, hải quan đối với các hàng hóa xuất nhập khẩu, quy định tỷ giá khi giao dịch với các tổ chức tín dụng... Khi thực hiện kiểm toán khoản mục

này, KTV cần phải kiểm tra tính tuân thủ của DN đối với các quy định, chính sách có liên quan.

Việc hiểu rõ những đặc điểm của khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính sẽ giúp cho KTV xác định được những rủi ro sai sót có thể xảy ra từ đó xác định phạm vi, đối tượng, nội dung mục tiêu kiểm toán cụ thể và các thủ tục kiểm toán cần sử dụng.

Từ những đặc điểm trên của khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính mà có những ảnh hưởng đến công tác kiểm toán BCTC như sau:

❖ Tuy không phải là khoản mục lớn nhưng do tính chất tương đối phức tạp của khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đối với công tác kế toán sẽ phát sinh những rủi ro kế toán và ảnh hưởng đến công tác kiểm toán:

- Phần lớn đối với nhiều DN, Chi phí tài chính và Doanh thu tài chính chủ yếu từ hai khoản thu tiền lãi và chi trả lãi tiền vay, còn các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh, liên kết thì thường ít xảy ra, nên khi gặp các trường hợp trên các khoản doanh thu và chi phí liên quan đến nó có khả năng sai phạm là lớn.

- Việc tính toán, đánh giá các khoản Chi phí tài chính và Doanh thu tài chính cũng phức tạp và mới mẻ.

❖ Giá trị của các nghiệp vụ phát sinh: Đối với các DN đi vay nhiều thì giá trị các khoản lãi vay rất lớn, sự sai sót của khoản mục này sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến nhiều chỉ tiêu trên BCTC.

❖ KSNB đối với khoản mục này thường ít hoặc không được chú ý dẫn đến các gian lận, sai sót không được ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời.

1.1.3. Kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán đối với Doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Hoạt động kiểm soát nội bộ là một trong những công việc tất yếu của bản thân đơn vị đối với quá trình sản xuất kinh doanh nói chung và đối với từng

chu kì nói riêng. Đặc thù của khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính của từng doanh nghiệp sẽ khác nhau, có thể xảy ra thường xuyên hoặc không thường xuyên, Nội dung công việc KSNB cụ thể không như nhau nhưng về khái quát như sau:

- Đơn vị xây dựng và ban hành các quy định về quản lý nói chung và KSNB nói riêng đối với các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính. Những quy định gồm: Quy định về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người hay bộ phận có liên quan đến xử lý công việc và Quy định về trình tự, thủ tục kiểm soát nội bộ thông qua trình tự htur tục thực hiện xử lý các công việc liên quan đến nghiệp vụ về doanh thu tài chính và chi phí tài chính. Các quy định cụ thể để quản lý và kiểm soát doanh thu tài chính và chi phí tài chính có thể bao gồm:

+ Ban hành chính sách/ quy chế và kiểm soát hoạt động liên quan đến các khoản cho vay, đi vay, khoản đầu tư,...

+ Ban hành quy chế về các khoản doanh thu tài chính và chi phí tài chính để hạn chế các sai sót về các khoản lãi suất cho vay, lãi suất vay và các khoản cổ tức phải trả, cổ tức được nhận.

+ Các quy định thủ tục xác định và ghi nhận doanh thu tài chính và chi phí tài chính

- Đơn vị triển khai thực hiện các quy định về quản lý và kiểm soát: Tổ chức phân công bố trí nhân sự, phổ biến quán triệt về chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân và các bộ phận liên quan đến các hoạt động doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.2.1. Mục tiêu của kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Theo Chuẩn Mục Kiểm Toán số 200 “Mục tiêu của kiểm toán BCTC là giúp cho KTV và Công ty kiểm toán (CTKT) đưa ra ý kiến nhận xét BCTC của đơn vị được kiểm toán có được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán và CĐKT hiện hành, có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không”.

Mục tiêu kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính: Phù hợp với mục tiêu kiểm toán BCTC, mục tiêu kiểm toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính bao gồm: KTV cần thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp từ đó để có thể đưa ra đánh giá, nhận xét về mức độ trung thực và hợp lý của các thông tin tài chính thuộc hai khoản mục này, đồng thời cung cấp các thông tin có liên quan làm cơ sở tham chiếu khi thực hiện kiểm toán các phần hành có liên quan khác.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Sự phát sinh: Thu thập bằng chứng chứng minh cho các nghiệp vụ, sự kiện phát sinh về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đã được hạch toán và phản ánh đầy đủ trong sổ sách kế toán;

- Sự tính toán và đánh giá: Thu thập đầy đủ bằng chứng chứng minh cho việc hạch toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính và hệ thống KSNB của DN đã đảm bảo cho việc hạch toán là trung thực, hợp lý và tuân thủ theo quy định của chế độ, CMKT hiệu hành, việc tính toán đánh giá là chính xác về mặt toán học, không có gian lận, sai sót;

- Sự phân loại và hạch toán đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ: Thu thập bằng chứng chứng minh mọi nghiệp vụ phát sinh về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đã được hạch toán và phân loại đầy đủ, đúng đắn, đã được tính toán chính xác, thực tế đã xảy ra và được ghi nhận đúng kỳ;

- Tổng hợp và công bố:

+ Cộng dồn (tổng hợp): Số liệu cộng dồn trên các tài khoản Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính phải được tính toán một cách chính xác, việc luân chuyển số liệu giữa sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp đảm bảo không có sai sót; số liệu trên các sổ kế toán của các tài khoản có liên quan phải đảm bảo phù hợp với nhau;

+ Trình bày, công bố: Hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trên BCTC phải được xác định, trình bày và công bố theo đúng yêu cầu của các chuẩn mực và CĐKT hiện hành.

1.2.2. Căn cứ kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC

Nội dung của công việc kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính của KTV bao gồm khảo sát về hoạt động KSNB đối với khoản mục và khảo sát để đánh giá các thông tin tài chính có liên quan đến khoản mục đó. Các nguồn thông tin này sẽ là căn cứ kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính bao gồm:

- Các chính sách, quy chế KSNB đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính mà đơn vị đã ban hành và áp dụng như quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của người có thẩm quyền phê duyệt; quy định về trình tự xét duyệt, các văn bản liên quan đến các hoạt động phát sinh Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính...;

- BCTC, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo KQHĐKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh BCTC;

- Các loại sổ kế toán như: Sổ cái tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính; Sổ cái TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính; sổ chi tiết theo từng hoạt động như doanh thu tiền lãi, doanh thu tiền bản quyền, doanh thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá... hay chi phí lãi vay vốn, chi phí hoạt

động đầu tư tài chính, chi phí đầu tư chứng khoán, chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá...;

- Các bộ chứng từ kế toán làm căn cứ cho các nghiệp vụ nhận doanh thu tài chính và chi phí tài chính phát sinh như: Thông báo chia lãi, chia cổ tức của công ty liên doanh/liên kết, chứng từ về hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán...;

- Các loại tài liệu khác có liên quan.

1.2.3. Khảo sát kiểm soát nội bộ khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC

a. Mục tiêu khảo sát

Mục tiêu của kiểm toán viên khi khảo sát về KSNB đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính là đưa ra đánh giá về các cơ sở dẫn liệu của KSNB đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính, bao gồm:

- *Tính hiện hữu*: tức là đơn vị phải có các quy chế kiểm soát nội bộ áp dụng đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính; xem xét cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, mối quan hệ của hệ thống kiểm soát nội bộ, sự hiện hữu của quy chế kiểm soát nội bộ, các chính sách kiểm soát, các quy định về kiểm soát nội bộ.

- *Tính hiệu lực*: tức là quy chế kiểm soát nội bộ đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính của đơn vị xây dựng phải có hiệu lực; khảo sát sự vận hành của quy chế kiểm soát nội bộ, tính chặt chẽ và phù hợp của quy chế kiểm soát nội bộ, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả và độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- *Tính liên tục*: tức là quy chế kiểm soát nội bộ đối với doanh thu tài chính và chi phí tài chính của đơn vị phải có hiệu lực liên tục; đánh giá về hiệu quả hoạt động liên tục của hệ thống kiểm soát nội bộ, tình hình thực hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ.

b. Nội dung khảo sát

Khảo sát về sự vận hành các quy chế KSNB: Mục tiêu chủ yếu của khảo sát ở đây để đánh giá về tính hiện hữu trong vận hành của các quy chế KSNB, cụ thể là tính hiện hữu và tính thường xuyên, liên tục trong vận hành của các quy chế kiểm soát, các bước kiểm soát. Cách thức tham khảo thu thập bằng chứng làm cơ sở đánh giá có thể áp dụng rất phong phú: phỏng vấn, quan sát...

c. Phương pháp khảo sát

Kiểm tra: KTV thu thập, tìm hiểu và kiểm tra các chính sách và quy định mà đơn vị áp dụng đối với hoạt động liên quan tới doanh thu, chi phí tài chính.

Quan sát: KTV tiến hành quan sát thực tế ở đơn vị công việc của nhân viên thực hiện kiểm soát hồ sơ, tài liệu...

Phỏng vấn: KTV thực hiện kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi bảng câu hỏi đối với những người có liên quan trong đơn vị về sự hiện hữu của các bước kiểm soát, kể cả tính thường xuyên hiện hữu vận hành của nó.

Yêu cầu làm lại: Đối với các bộ phận có liên quan khi cần thiết để KTV kiểm tra.

d. Quy trình khảo sát

Bước 1: Thiết lập hệ thống câu hỏi có sẵn về KSNB. Việc thiết lập hệ thống câu hỏi này phải theo trình tự, đầy đủ và chặt chẽ.

Bước 2: Trực tiếp khảo sát, thu thập, tìm hiểu về quá trình KSNB của khách hàng theo các mục tiêu kiểm soát chủ yếu để làm cơ sở đánh giá trên các hoạt động KSNB đã nêu ở trên.

Bước 3: Đánh giá về hiệu lực KSNB và rủi ro kiểm soát đối với doanh thu, chi phí tài chính.

Bước 4: Đánh giá chi phí và lợi ích của việc khảo sát kiểm soát.

Bước 5: Thiết kế các khảo sát cơ bản (đặc biệt là khảo sát chi tiết) và xác định quy mô, phạm vi áp dụng phương pháp kiểm toán cơ bản.

1.2.4. Các sai phạm thường gặp trong kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có những đặc điểm tương đối phức tạp và mới mẻ, vì vậy mà trong công tác kế toán có thể gặp phải những rủi ro, sai sót như sau:

- Ghi nhận Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thực tế, nguyên nhân có thể là do kế toán đã hạch toán nhầm hai khoản mục này sang các khoản mục khác hoặc ngược lại; do tính toán sai hoặc áp dụng sai các nguyên tắc hạch toán kế toán; ngoài ra còn có thể có tình khi giảm hoặc ghi không Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân;

- Đối với các khoản ngoại tệ, cuối kỳ không tiến hành đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái, không đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ, nguyên nhân chủ yếu thường là do kế toán thiếu kiến thức về mảng ngoại tệ, việc này gây ra những ảnh hưởng trọng yếu trên BCTC;

- Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính bị ghi nhận sai kỳ. Sai phạm này thường hay xảy ra vào các thời điểm đầu và cuối niên độ. Việc ghi nhận sai kỳ Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có thể dẫn đến việc xác định sai lợi nhuận nộp thuế thu nhập DN của đơn vị, điều này có thể là do nhầm lẫn sai sót nhưng cũng có thể là do đơn vị cố ý gian lận.

Những sai phạm kể trên là những sai sót cơ bản mà từ đó có thể phát triển thành những vấn đề khác phức tạp hơn, nắm rõ và hiểu sâu được nó, khi thực hiện kiểm toán hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV sẽ nhìn nhận được một cách hệ thống, tổng quát để đưa ra được những thủ tục kiểm toán thích hợp.

1.3. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP THỰC HIỆN

Trong kiểm toán Báo cáo tài chính, để thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán có giá trị để làm căn cứ cho kết luận của Kiểm toán viên về tính trung thực và hợp lý của thông tin trên Báo cáo tài chính đồng thời đảm bảo tính hiệu quả, kinh tế, tính hiệu lực của từng cuộc kiểm toán, Kiểm toán viên phải xây dựng được quy trình cụ thể cho cuộc kiểm toán đó. Thông thường, mỗi quy trình kiểm toán được chia thành 3 giai đoạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc kiểm toán (Tổng hợp, kết luận và hình thành ý kiến kiểm toán)

1.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Theo Chuẩn Mục Kiểm Toán số 300 – “Lập kế hoạch kiểm toán BCTC”, lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn đầu tiên của cuộc kiểm toán. Đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, lập kế hoạch kiểm toán bao gồm lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán phải được lập một cách thích hợp nhằm đảm bảo bao quát hết các khía cạnh trọng yếu của cuộc kiểm toán, phát hiện gian lận, rủi ro và những vấn đề tiềm ẩn và đảm bảo cuộc kiểm toán được hoàn thành đúng thời hạn, cùng với đó là nâng cao hiệu quả công việc và giữ vững được uy tín nghề nghiệp đối với khách hàng.

Để lập kế hoạch kiểm toán một cách hiệu quả, trong giai đoạn lập KHKT, KTV cần thực hiện các công việc sau đây:

1.3.1.1. Tìm hiểu về khách hàng, môi trường hoạt động của khách hàng và thu thập thông tin liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Theo Chuẩn Mục Kiểm Toán Việt Nam số 310 – “Hiểu biết về tình hình kinh doanh” nêu rõ: “Hiểu biết cần thiết của KTV để thực hiện một cuộc kiểm toán bao gồm những hiểu biết tổng quan về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động của đơn vị, hiểu biết cụ thể hơn về tổ chức và hoạt động của đơn vị được kiểm toán” và “Để thực hiện kiểm toán BCTC, KTV phải có hiểu biết cần thiết, đầy đủ về tình hình kinh doanh nhằm đánh giá và phân tích được các sự kiện, nghiệp vụ và thực tiễn hoạt động của đơn vị được kiểm toán mà theo KTV thì có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, đến việc kiểm tra của KTV hoặc đến báo cáo kiểm toán”.

Trên cơ sở kế hoạch chung của toàn cuộc kiểm toán, KTV được phân công thực hiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính cần tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu và thu thập các thông tin, tài liệu chủ yếu có liên quan như:

- Thông tin về hoạt động của đơn vị được kiểm toán (như: lĩnh vực hoạt động, kết quả tài chính và nghĩa vụ cung cấp thông tin, bộ máy quản lý và năng lực của BGĐ, tình hình chung về kinh tế và đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh có tác động đến đơn vị được kiểm toán,...);

- KTV có thể liên hệ với KTV tiền nhiệm đã thực hiện các cuộc kiểm toán trước đây hoặc xem lại hồ sơ kiểm toán năm trước để thu thập thông tin cơ bản về mức độ sai phạm của doanh nghiệp năm trước với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính;

- KTV cần nhận diện các bên liên quan với doanh nghiệp: Các loại hình đầu tư tài chính của đơn vị, các đối tượng liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính của đơn vị; có sử dụng nguồn vốn vay hay không và vay của đối tượng nào (từ tổ chức tín dụng hay cá nhân); các giao dịch liên quan đến ngoại tệ của đơn vị, các ngân hàng mà đơn vị thực hiện các giao dịch đó.... Đây là bước thu thập thông tin quan trọng, đó là thu thập các mối quan hệ giữa BGĐ, kế toán

trường với khách hàng, nhà cung cấp, các ngân hàng, các đơn vị tín dụng,... Thông qua phỏng vấn và đánh giá mối quan hệ có thể đưa ra những nhận xét ban đầu về rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với các số liệu kế toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính của doanh nghiệp.

Sau khi đạt được những hiểu biết về công việc kinh doanh của khách hàng, về hệ thống kế toán và hệ thống KSNB, KTV đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thông tin này tới tổng thể BCTC làm cơ sở để thực hiện các công việc tiếp theo.

1.3.1.2. Thủ tục phân tích sơ bộ

Đây là bước tiếp theo trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Thực hiện các thủ tục phân tích là quá trình đánh giá các thông tin tài chính được thực hiện thông qua việc nghiên cứu quan hệ giữa các dữ liệu tài chính và các dữ liệu phi tài chính. Các thủ tục phân tích được sử dụng cho việc lập kế hoạch kiểm toán hướng tới các mục tiêu sau:

- Xem xét các biến động xảy ra trong hoạt động kinh doanh của DN nói chung và các biến động liên quan đến chỉ tiêu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng, tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá tính hợp lý của biến động;

- Đạt được hiểu biết sâu sắc hơn về đơn vị được kiểm toán, cũng như xác định được điểm nghi vấn, xét đoán các khả năng sai phạm đối với khoản mục này, hướng đến việc thiết kế chương trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính cho phù hợp;

- Việc áp dụng thủ tục phân tích không chỉ giúp KTV nhận ra tình hình biến động cũng như tính chất trọng yếu của khoản mục mà còn ước tính được khối lượng công việc cần thực hiện sau đó.

❖ Các thủ tục phân tích được KTV sử dụng

Bao gồm hai loại:

- Phân tích ngang: là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các chỉ số của cùng chỉ tiêu trên BCTC như:

- KTV tiến hành thu thập số liệu các chỉ tiêu Doanh thu tài chính và Chi phí chính giữa năm thực hiện kiểm toán và năm trước liền kề, tính toán sự biến động của các khoản mục này;

- Phân tích sự biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính giữa kế hoạch của đơn vị và thực tế xảy ra;

- KTV tiến hành thu thập số liệu khoản mục này của các DN cạnh tranh với ĐVKH, hoặc thu thập số liệu cùng ngành để tiến hành phân tích.

- Phân tích dọc: là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các tỉ lệ tương quan của chỉ tiêu và các khoản mục khác nhau trên BCTC. KTV có thể ước tính ra tỷ lệ giữa Doanh thu tài chính trên tổng doanh thu đạt được và Chi phí tài chính trên tổng chi phí phát sinh.

Sau khi tiến hành thủ tục phân tích, KTV có thể ước đoán được các gian lận, sai sót có thể xảy ra, từ đó xây dựng các bước công việc phù hợp để đạt được mục tiêu kiểm toán đặt ra đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

1.3.1.3. Tìm hiểu hệ thống KSNB

Việc nghiên cứu và đánh giá hệ thống KSNB đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính là bước công việc quan trọng. Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV sẽ đánh giá các quy chế KSNB được xây dựng đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có đầy đủ, chặt chẽ và phù hợp hay không. Từ đó đánh giá rủi ro kiểm soát dự kiến: Nếu hệ thống KSNB đối với khoản mục này hoạt động có hiệu quả tức là rủi ro kiểm soát được đánh giá ở mức thấp thì công việc kiểm toán sẽ giảm và ngược lại. Kết quả đánh giá rủi ro kiểm soát dự kiến sẽ giúp KTV xác định phạm vi của các PPKT cần phải thực hiện. KTV cần phải thu thập các thông tin về:

- Hệ thống kế toán: KTV cần đạt được sự hiểu biết nhất định về các chứng từ kế toán, các sổ sách kế toán, bản chất nội dung các nghiệp vụ phát sinh, các tài khoản dùng cho việc hạch toán;

- Các thủ tục, chính sách, quy chế kiểm soát đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính mà đơn vị đã thiết kế.

Thông thường, KTV sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp các tài liệu cần thiết để KTV nghiên cứu, đồng thời có thể tiến hành phỏng vấn các bộ phận, các cá nhân liên quan để tìm hiểu về cách thiết kế các quy chế KSNB đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Kết quả tìm hiểu ban đầu sẽ giúp về KSNB sẽ giúp KTV quyết định có tiếp tục đi sâu đánh giá tính hiệu quả của KSNB đối với khoản mục này hay không trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

1.3.1.4. Đánh giá rủi ro và xác định mức trọng yếu

a. Đánh giá rủi ro

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV phải xác định rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát từ đó dự kiến rủi ro phát hiện.

- Rủi ro tiềm tàng (IR): Là rủi ro tiềm ẩn, vốn có do khả năng từng nghiệp vụ, khoản mục trong BCTC chứa đựng những sai phạm trọng yếu khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp, cho dù có hay không có hệ thống KSNB. Các yếu tố ảnh hưởng đánh giá rủi ro tiềm tàng khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính dựa trên tính chất ngành nghề kinh doanh của khách hàng, quy mô của khoản mục, các phán đoán nghề nghiệp của KTV về rủi ro của khoản mục từ việc thực hiện thủ tục phân tích trong bước chuẩn bị kiểm toán;

- Rủi ro kiểm soát (CR): Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong từng nghiệp vụ, khoản mục trong BCTC khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp mà hệ thống KSNB không ngăn ngừa hết hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời. Các yếu tố

ảnh hưởng đến rủi ro kiểm soát: Tính chất mới mẻ và phức tạp của các loại giao dịch, khối lượng và cường độ của giao dịch (nhiều hay ít, mạnh hay yếu), số lượng và chất lượng của hệ thống nhân lực tham gia kiểm soát trong DN, tính hiệu lực, hợp lý và hiệu quả của các thủ tục kiểm soát và trình tự kiểm soát trong DN, tính khoa học, thích hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ như: việc sắp xếp phân công đúng người đúng việc, bố trí sử dụng một cách tối ưu các phương tiện, thiết bị kết hợp với con người trong quá trình kiểm soát...;

- Rủi ro phát hiện (DR): Là rủi ro mà trong quá trình kiểm toán, các thủ tục nhằm làm giảm rủi ro kiểm toán xuống tới mức thấp có thể chấp nhận được nhưng vẫn không phát hiện được hết các sai sót trọng yếu. Ngược lại với rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát, KTV và công ty kiểm toán phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thu thập các bằng chứng kiểm toán nhằm quản lý và kiểm soát đối với rủi ro phát hiện. Tùy theo tình hình của đơn vị, KTV sẽ tăng giảm công việc kiểm toán của mình để đạt được mục đích cuối cùng là rủi ro kiểm toán được giảm xuống thấp đến mức thấp chấp nhận được với chi phí hợp lý.

Ta có mô hình rủi ro kiểm toán như sau:

$$AR = IR \times CR \times DR$$

Trong đó: AR: Rủi ro kiểm toán

IR: Rủi ro tiềm tàng

CR: Rủi ro kiểm soát

DR: Rủi ro phát hiện

Mô hình đánh giá rủi ro phát hiện được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.1. Bảng dự kiến rủi ro phát hiện

	<i>Đánh giá của KTV về rủi ro kiểm soát</i>		
	Cao	Thấp	Trung bình

Đánh giá của KTV về rủi ro kiểm soát	Cao	Thấp nhất	Thấp	Trung bình
	Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất

b. Xác định mức trọng yếu

Khái niệm trọng yếu ở đây được hiểu là tầm cỡ (hay quy mô) và bản chất các sai phạm (kể cả bỏ sót) của các thông tin tài chính hoặc là đơn lẻ hoặc là từng nhóm mà trong bối cảnh cụ thể nếu dựa vào các thông tin này để xét đoán thì không thể chính xác hoặc là sẽ rút ra những kết luận sai lầm.

Công việc thực hiện:

- Xác định mức trọng yếu tổng thể của toàn bộ BCTC: KTV phải đánh giá mức trọng yếu để ước tính mức độ sai sót của BCTC có thể chấp nhận được, xác định phạm vi của cuộc kiểm toán và đánh giá ảnh hưởng của các sai sót đối với BCTC để xác định bản chất, thời gian, phạm vi thực hiện các thử nghiệm. Nếu các KTV ước lượng mức trọng yếu càng thấp, nghĩa là độ chính xác của các số liệu trên BCTC càng cao lúc đó số lượng bằng chứng phải thu thập càng nhiều và ngược lại. Việc xác định mức trọng yếu là công việc xét đoán mang tính nghề nghiệp của KTV. Dựa vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, KTV sẽ lựa chọn ra chỉ tiêu (doanh thu, vốn chủ sở hữu, tổng tài sản...) để ước lượng mức độ trọng yếu ban đầu cho toàn bộ BCTC, hay chính là mức độ sai sót có thể chấp nhận được đối với BCTC (dựa vào phán đoán và kinh nghiệm của KTV).

- Xác định mức trọng yếu tổng thể với từng khoản mục: Sau khi đã ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho toàn bộ BCTC, KTV sẽ tiếp tục xác định mức trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC để hình thành nên mức trọng yếu cho từng khoản mục. Xác định mức trọng yếu chủ yếu dựa trên bản chất của các khoản mục, rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá sơ bộ đối với các khoản mục. Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính với đặc điểm tương

đôi phức tạp và mới cùng với đặc điểm riêng biệt, đặc thù của từng loại hình DN nên được KTV phân bổ chi tiết phù hợp.

Tính trọng yếu có một ý nghĩa quan trọng trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán và thiết kế chương trình kiểm toán, nó giúp KTV có thể xác định nội dung, thời gian và phạm vi của các thủ tục kiểm toán, xác định mức độ trung thực và hợp lý của các thông tin tài BCTC, đồng thời nó còn giúp đánh giá ảnh hưởng của những sai sót trọng yếu đến BCTC.

1.3.1.5. Phương pháp chọn mẫu, cỡ mẫu

Về phương pháp chọn mẫu:

Gồm 2 phương pháp

- Chọn mẫu thống kê: Là việc sử dụng kỹ thuật tính toán để tính kết quả thống kê có hệ thống. Phương pháp này lựa chọn các phần tử mẫu một cách ngẫu nhiên và sử dụng lý thuyết xác suất thống kê để đánh giá kết quả mẫu.

- Chọn mẫu phi thống kê: Là phương pháp không sử dụng các phép tính toán thống kê. Kỹ thuật chọn mẫu sử dụng có thể là ngẫu nhiên hoặc kỹ thuật chọn mẫu khác không sử dụng dựa trên tính ngẫu nhiên “kiểu toán học”, KTV sử dụng xét đoán chuyên môn để lựa chọn các phần tử mẫu. Lý do để KTV lựa chọn phương pháp này là do dù việc chọn mẫu ngẫu nhiên sẽ không phát huy được ưu điểm nếu sai sót trọng yếu tập trung phân bổ theo những khối quần thể xác định hoặc nếu tổng thể có qui mô nhỏ.

Về cỡ mẫu:

Cỡ mẫu là số lượng các phần tử trong tổng thể được lựa chọn theo tiêu thức nhất định vào mẫu để kiểm tra. Mức độ rủi ro lấy mẫu mà kiểm toán viên có thể chấp nhận ảnh hưởng tới cỡ mẫu yêu cầu. Mức độ rủi ro mà KTV có thể chấp nhận càng thấp thì cỡ mẫu cần thiết sẽ càng lớn. Cỡ mẫu có thể được xác định thông qua các tính toán thống kê hoặc dựa trên xét đoán chuyên môn của KTV.

1.3.1.6. Thiết kế chương trình kiểm toán

Trên cơ sở kế hoạch kiểm toán tổng thể đã được duyệt, KTV được phân công tham gia kiểm toán sẽ soạn thảo chương trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính (“Chương trình kiểm toán mẫu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính của VACPA” được trình bày tại phụ lục 1.1).

Chương trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được xây dựng gồm: Các thử nghiệm kiểm soát, các thử nghiệm cơ bản (gồm 2 kỹ thuật là: Phân tích, đánh giá tổng quát và kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ). Việc thiết kế các thủ tục kiểm toán giúp cho cuộc kiểm toán diễn ra khoa học, tiết kiệm thời gian cho cuộc kiểm toán do các thủ tục đã được trình bày rõ ràng. Công ty có thể thiết kế các thủ tục kiểm toán trên phần mềm hoặc trên giấy tùy từng cuộc kiểm toán cụ thể mà chương trình kiểm toán có thể thay đổi hoặc bổ sung cho phù hợp.

Chương trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được xây dựng theo một số nội dung chính sau đây:

- Tài liệu yêu cầu khách hàng cung cấp:

- Các hợp đồng cho vay và đi vay;
- Bảng tính lãi tiền gửi ngân hàng và bảng tính lãi tiền vay;
- Bảng tính lãi lỗ chênh lệch tỷ giá;
- Sổ chi tiết tài khoản 515, 635.

- Mục tiêu kiểm toán:

Tính hiện hữu: Các sự kiện, giao dịch và các vấn đề khác được thuyết minh đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính thực sự đã xảy ra và có liên quan đến đơn vị

Tính đầy đủ: Đảm bảo tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được ghi nhận chính xác, đầy đủ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chính xác: Các nghiệp vụ được ghi chép theo đúng số lượng và số tiền, doanh thu và chi phí được ghi nhận theo đúng thực tế.

Phân loại: Các nghiệp vụ phát sinh về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được hạch toán và phân loại đúng đắn, đúng kỳ.

Trình bày: Đảm bảo tất cả các thuyết minh cần thiết liên quan đến Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được lập chính xác và các thông tin được trình bày và mô tả phù hợp trong BCTC.

- Thủ tục kiểm toán:

- Thủ tục chung

Kiểm tra chính sách kế toán có áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng không.

Trường hợp có thay đổi chính sách kế toán đơn vị có tuân thủ theo hướng dẫn của CMKT số 29 không.

- Thủ tục phân tích:

Tìm hiểu sự biến động của Vốn bằng tiền qua các năm; Tìm hiểu hệ thống thanh toán của đơn vị; Tìm hiểu hệ thống KSNB.

- Thủ tục kiểm toán chi tiết:

Thực hiện kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ phát sinh về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đặc biệt là về lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá, việc tính lãi vay, lãi cho vay để đảm bảo việc trình bày trên Báo cáo KQHĐKD là hợp lý, đúng đắn và phù hợp.

1.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV sẽ tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán gồm thực hiện các khảo sát KSNB và khảo sát cơ bản đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nhằm để thu thập các bằng chứng cho việc xét đoán, đánh giá liệu các HĐKS quan trọng của khách hàng có được thiết kế phù hợp và hiệu quả không; đánh giá tính hợp lý của nghiệp vụ và số dư của

tài khoản Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính qua các thủ tục phân tích và kiểm tra chi tiết.

1.3.2.1. Khảo sát KSNB với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Mục tiêu cơ bản của khảo sát về KSNB đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính là nhằm xem xét đánh giá về sự hiện diện, tính hiệu quả, hiệu lực và hiệu lực liên tục của hoạt động KSNB đối với hai khoản mục này. Các thủ tục khảo sát KSNB bao gồm:

❖ Thực hiện điều tra hệ thống đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Thông thường KTV sẽ chọn mẫu một loạt các nghiệp vụ cùng loại về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được theo dõi, ghi chép từ đầu đến cuối của hệ thống để xem xét, đánh giá các bước kiểm soát áp dụng trong hệ thống đó có được thiết kế đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp hay không. Kết quả này sẽ giúp KTV đánh giá lại mức độ RRKS và điều chỉnh phạm vi KTCT và các thử nghiệm cơ bản về kiểm soát khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

❖ Thực hiện các thử nghiệm chi tiết về kiểm soát:

Thử nghiệm chi tiết về kiểm soát là các thử nghiệm được tiến hành để thu thập bằng chứng về tính hiệu lực và hiệu quả của quy chế, chính sách về KSNB mà đơn vị áp dụng đối với các nghiệp vụ Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

Việc quyết định có hay không tiến hành các thử nghiệm chi tiết về kiểm soát phụ thuộc vào việc đánh giá lại RRKS sau khi đã áp dụng kỹ thuật kiểm tra hệ thống. Nếu RRKS là không cao, KTV cần phải thực hiện đánh giá lại tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB. Công việc cụ thể bao gồm:

- Tìm hiểu và đánh giá về các chính sách kiểm soát, các quy chế KSNB đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Việc nghiên cứu,

đánh giá và khảo sát về KSNB đối với hai khoản mục này thường được tiến hành theo trình tự các bước như sau:

- Bước 1: Thiết lập các câu hỏi về KSNB đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính: Bước này yêu cầu KTV phải có được sự hiểu biết chặt chẽ về KSNB đối với hai khoản mục trên cũng như hiểu biết về sự vận hành và quy định kiểm soát đặc thù của mỗi DN để thiết kế hệ thống câu hỏi cho phù hợp;

- Bước 2: Trực tiếp khảo sát, thu thập, tìm hiểu về quá trình KSNB các nghiệp vụ phát sinh và có liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính thông qua việc phỏng vấn, quan sát, gửi thư xác nhận...

- Thực hiện khảo sát về sự vận hành của các quy chế KSNB: Sau khi đã tìm hiểu về quy chế KSNB của DN, KTV cần xem xét sự hiện hữu, tính hiệu lực và hiệu lực liên tục của quy chế KSNB. KTV có thể sử dụng các kỹ thuật như phỏng vấn các nhân viên có liên quan, trực tiếp quan sát các nhân viên và kiểm tra dấu hiệu của KSNB lưu lại trên các hồ sơ, tài liệu của DN.

Các thủ tục kiểm toán được thực hiện để khảo sát KSNB phải đảm bảo thực hiện dựa trên các CSDL kiểm toán như sau:

- Sự phát sinh:

- Xem xét các chứng từ ghi nhận Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong mối quan hệ với các chứng từ mô tả nghiệp vụ phát sinh ra nó (hợp đồng đi vay, hợp đồng cho vay, các tài liệu về việc góp vốn, các chứng từ liên quan đến mua bán chứng khoán...);

- Xem xét thẩm quyền phê duyệt và tính độc lập của các bộ phận thực hiện trực tiếp tạo nên Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính với bộ phận theo dõi, hạch toán;

- Kiểm tra về quy trình phê duyệt và dấu hiệu kiểm tra nội bộ;

- Kiểm tra các chứng từ nghi vấn về sự phát sinh.

- Sự tính toán, đánh giá: Kiểm tra các chứng từ nghi vấn và các chứng từ có quy trình KSNB yếu kém về số tiền và cách tính toán, phản ánh số liệu của nghiệp vụ.

- Tính đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ:

- Kiểm tra việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có được theo dõi và hạch toán liên tục hay không; doanh thu ghi nhận có đồng thời với ghi nhận chi phí hay không;

- Kiểm tra ngày tháng ghi sổ với ngày tháng trên chứng từ như báo nợ, báo có, quyết định chia cổ tức... xem có hợp lý hay không;

- Kiểm tra các nghiệp vụ đầu và cuối kỳ kế toán, xem xét ngày tháng ghi sổ với ngày tháng ghi trên chứng từ; kiểm tra dấu hiệu KSNB đối với các chứng từ liên quan;

- Kiểm tra sự vi phạm quy chế KSNB về việc ghi sổ đúng phương pháp và đúng sự phân loại trên một số chứng từ nghi vấn.

- Tổng hợp và công bố: Kiểm tra khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có được thể hiện trên BCTC theo đúng quy định, quy chế KSNB hay không.

1.3.2.2. Khảo sát cơ bản với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Khảo sát cơ bản đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính gồm 2 thủ tục:

❖ Thủ tục phân tích với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

- So sánh các khoản Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính giữa kỳ này với kỳ trước, với số liệu kế hoạch của đơn vị, tìm hiểu nguyên nhân biến động, xem xét xem nguyên nhân biến động đó có hợp lý không;

- Lập bảng phân tích tổng quát đối ứng tài khoản và nhận dạng các mối quan hệ đối ứng bất thường hoặc có nội dung không rõ ràng;

- So sánh các tiêu mục nhỏ cấu thành nên Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nhằm xác định xem khoản thu nhập, chi phí loại nào biến động nhiều nhất. Việc so sánh này phải kết hợp với so sánh tổng mức vốn cho vay/đầu tư/kinh doanh chứng khoán có thay đổi so với kỳ trước không; tỷ suất lợi nhuận bình quân có thay đổi hay không;

Mục đích của thực hiện thủ tục phân tích trên là để tìm ra các biến động bất thường và những sai lệch thông tin để định hướng kiểm toán và PPKT thích hợp. Ngoài những bước trên, KTV cũng cần phải phân tích các thông tin tài chính có liên quan trong mối quan hệ với sự biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính làm căn cứ cho việc xét đoán, đánh giá.

❖ Thủ tục kiểm tra chi tiết đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Doanh thu tài chính và chi phí tài chính là các tài khoản không có số dư nên chỉ tiến hành kiểm tra nghiệp vụ mà không KTCT số dư.

- Đối với doanh thu tài chính:

+ Mục tiêu sự phát sinh:

- Tiền lãi: KTCT các hợp đồng cho vay, khế ước vay phải đảm bảo có hiệu lực pháp lý: đầy đủ sự phê duyệt của bên cho vay và bên đi vay; điều khoản thanh toán; hợp đồng vẫn còn hiệu lực pháp lý;

- Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia: Kiểm tra hợp đồng liên doanh, thông báo và quyết định chia cổ tức của công ty liên doanh, liên kết...;

- Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua, bán chứng khoán: Kiểm tra các chứng từ chứng minh hoạt động mua và bán chứng khoán như hợp đồng mua bán, chuyển nhượng chứng khoán, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng về số tiền bán chứng khoán...;

- Các khoản thu nhập tài chính khác cần kiểm tra số liệu có liên quan.

+ Mục tiêu sự tính toán, đánh giá hợp lý:

- Doanh thu tiền lãi: Đối chiếu hợp đồng cho vay hay khế ước vay (giá trị khoản vay, lãi suất cho vay, thời hạn tính lãi cho vay) với bảng tính lãi vay;
- Các khoản thu nhập chênh lệch tỷ giá: Kiểm tra cách xác định, đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái của đơn vị có phù hợp với quy định hay không; số liệu kết quả tính toán có đảm bảo chính xác không;
- Các khoản Doanh thu tài chính khác cần kiểm tra các số liệu có liên quan như: doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp có đúng bằng chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm và trả ngay không. Việc phân bổ khoản chênh lệch bán hàng trả chậm, trả góp cho doanh thu tài chính trong kỳ có đúng bằng số tiền lãi trả chậm chia số kỳ trả chậm hay không.
 - + Mục tiêu sự phân loại và hạch toán đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ:
- Đối chiếu số liệu, ngày tháng, số hiệu giữa chứng từ (phiếu tính lãi cho vay vốn, quyết định chia lãi, thông báo chia lãi của công ty liên doanh, liên kết, bộ chứng từ mua bán chứng khoán...) với sổ cái, sổ nhật ký chung tài khoản 515, kiểm tra việc ghi sổ có đảm bảo đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ hay không;
- Kiểm tra các nghiệp vụ trên tài khoản 3387 – doanh thu chưa thực hiện về các khoản lãi bán hàng trả chậm, trả góp xem đã phản ánh khoản Doanh thu tài chính trong kỳ này chưa;
- Đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái như thanh toán công nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ; mua bán hàng hóa, tài sản cố định bằng ngoại tệ với sổ cái tài khoản 515 xem có được ghi nhận đầy đủ hay không.
 - + Mục tiêu cộng dồn và báo cáo:
- Thực hiện tính toán lại số liệu và kiểm tra độ chính xác về mặt toán học số liệu trên sổ cái tài khoản 515;
- Thực hiện cộng lại số đã kết chuyển và đối chiếu với số liệu với kết quả của đơn vị, đồng thời so sánh kết quả đó với các DN khác có cùng quy mô, lãnh

thỏ, cùng ngành nghề, cùng loại hình SXKD để có đánh giá thêm về đơn vị được kiểm toán.

- Đối với chi phí tài chính:

+ Mục tiêu sự phát sinh:

- Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh: Kiểm tra hợp đồng liên doanh, chứng từ, hóa đơn đi kèm chứng từ đi kèm chứng minh khoản chi phí phục vụ hoạt động vốn góp liên doanh, liên kết;

- Chi phí lãi vay: Kiểm tra các phiếu, bảng tính lãi vay có giá trị lớn, đối chiếu với các hợp đồng liên quan, so sánh với các mức lãi suất quy định hiện hành nếu có;

- Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại cần kiểm tra các bằng chứng, chứng từ có liên quan. Có thể đối chiếu với các phần hành khác có liên quan (khoản mục doanh thu, khoản mục phải thu...).

+ Mục tiêu sự tính toán, đánh giá hợp lý:

- Đối với chi phí lãi vay: kiểm tra các phiếu, bảng tính lãi vay bằng cách đối chiếu với số tiền vay, thời hạn tính lãi và lãi suất trong hợp đồng đã ký kết;

- Đối với các khoản chi tiết chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ cần kiểm tra cách tính toán đúng hay chưa, so sánh với chính sách chiết khấu của đơn vị;

- KTV tự tính toán lại và đối chiếu với số liệu đã tính toán của đơn vị.

+ Mục tiêu sự phân loại và hạch toán đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ:

- Đối chiếu chứng từ (phiếu tính lãi của đối tượng cho vay vốn, các chứng từ liên quan đến góp vốn, mua bán chứng khoán) với sổ cái tài khoản 635 xem có phản ánh chính xác, đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ hay không;

- Đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái như thanh toán công nợ bằng ngoại tệ với sổ cái tài khoản 635 xem có đầy đủ, chính xác không.

+ Mục tiêu cộng dồn và báo cáo:

- KTV cộng lại số liệu và kiểm tra độ chính xác về mặt toán học số liệu trên sổ cái tài khoản 635;
- KTV cộng lại số đã kết chuyển và đối chiếu với số liệu với kết quả của đơn vị, đồng thời so sánh kết quả đó với các DN khác có cùng quy mô, lãnh thổ, cùng ngành nghề, cùng loại hình SXKD để có đánh giá thêm về đơn vị được kiểm toán.

1.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

1.3.3.1. Tổng hợp kết quả kiểm toán và các bút toán điều chỉnh

Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, sau khi thực hiện đánh giá các sự kiện phát sinh sau niên độ kế toán liên quan đến hai khoản mục trên (cut-off), KTV phải tổng hợp kết quả kiểm toán để làm cơ sở cho ý kiến kết luận về các chỉ tiêu liên quan đến Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính dựa trên các thủ tục đã thực hiện và những bằng chứng đã thu thập được, từ đó phục vụ cho việc đưa ra ý kiến nhận xét và lập Báo cáo kiểm toán.

Các nội dung chủ yếu trong tổng hợp kết quả kiểm toán:

- Tổng hợp các thủ tục, kỹ thuật kiểm toán kiểm toán đã áp dụng;
- Các sai phạm đã phát hiện khi kiểm toán và đánh giá về mức độ sai phạm;
- Nguyên nhân các sai lệch (nếu có) và các bút toán điều chỉnh sai phạm.

Sau khi kết thúc giai đoạn thực hiện kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tổng hợp kết quả liên quan đến Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính và tiến hành thảo luận với BGD của ĐVKH để thống nhất các vấn đề và đưa ra các đề xuất bút toán điều chỉnh. Bất kỳ sai phạm nào phát hiện được, KTV đều phải thông báo với khách hàng và đề xuất bút toán điều chỉnh sai phạm đã tìm được quan đến hai chỉ tiêu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính cần phải lập để từ đó tổng hợp tất cả các bút toán điều chỉnh trên Báo cáo kiểm toán.

1.3.3.2. Lập biên bản Kiểm toán

Biên bản Kiểm toán tổng hợp tất cả các vấn đề phát hiện được trong năm tài chính của đơn vị được kiểm toán, trong đó nêu rõ thông tin tổ kiểm toán, đại diện đơn vị kiểm toán, nội dung kiểm toán, thời gian kiểm toán,... với các vấn đề phát hiện được, KTV sẽ đề xuất hướng xử lý cho các vấn đề phát hiện được từ đó làm căn cứ để đưa ra ý kiến nhận xét về từng chu kỳ, khoản mục và toàn bộ BCTC. Biên bản kiểm toán đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính gồm các nội dung chính sau:

- Các sai phạm đã tìm được khi thực hiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính;
- Nguyên nhân của các sai lệch: Hợp lý hay không hợp lý;
- Soạn thảo các bút toán điều chỉnh với các sai phạm đã tìm được;
- Kết luận về việc đạt được mục tiêu kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính hay chưa và các vấn đề cần lưu ý khác.

Ngoài ra, KTV có thể đưa ra ý kiến nhận xét về quá trình KSNB và các giải pháp, kiến nghị với đơn vị được kiểm toán để hoàn thiện hệ thống KSNB.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

2.1.1. Sự hình thành và phát triển

2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được thành lập ngày 13/05/1991 theo Quyết định số 164 TC/TCCB của Bộ trưởng Bộ tài chính, AASC là Công ty Kế toán Kiểm toán được thành lập đầu tiên, giữ vững truyền thống sinh ra và trưởng thành từ Bộ Tài chính - Việt Nam thực hiện các dịch vụ về Kiểm toán, Tư vấn Tài chính, Kế toán và Thuế. Hiện nay, AASC có trụ sở chính đặt tại Hà Nội, chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Quảng Ninh.

❖ Thông tin chung:

Tên công ty: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Tên giao dịch quốc tế: AASC Auditing Firm Company Limited.
(AASC.,Ltd)

Tên viết tắt: AASC

Logo Công ty:



Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3824 1990 – Fax: (04) 3825 3973

Email: webmaster@aasc.com.vn & aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

❖ Các giai đoạn phát triển:

Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC ban đầu có tên gọi là Công ty Dịch vụ Kế toán Việt Nam, là một DN Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tư vấn Tài chính. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được chia thành 3 giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn I: Từ 01/04/1991 đến 08/1993 (Giai đoạn hình thành):*

Ngày 01/04/1991, Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Chính Phủ) ra thông báo số 957/PPLT đồng ý cho Bộ Tài chính thành lập Công ty Dịch vụ Kế toán Việt Nam với tên giao dịch là ASC (Accounting Service Company). Ngày 13/05/1991, theo quyết định số 164/TC/TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập Công ty Dịch vụ Kế toán Việt Nam ASC). Trụ sở giao dịch của Công ty khi mới thành lập là tại số 10, Phan Huy Chú, Hà Nội. Sau đó chuyển đến số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm Hà Nội, theo quyết định số 752-TC/Q /TCQT ngày 3/11/1993 của Bộ Tài Chính. Thời kỳ này, chức năng chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ kế toán. Vốn kinh doanh của Công ty là 229.107.173 đồng, trong đó vốn Ngân sách Nhà nước cấp là 137.040.000 đồng; vốn huy động thêm là 92.067.173 đồng và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 14/09/1991 với tổng số nhân viên là 8 người.

Đây là giai đoạn hình thành và phát triển của Công ty với chức năng chủ yếu là cung cấp các dịch vụ Kế toán. Cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế đất nước, các nhân viên trong Công ty cũng không ngừng tìm tòi, học hỏi, nâng cao trình độ. Bên cạnh đó thì Công ty ngày càng được mở rộng về qui mô.

Theo yêu cầu mới của nền kinh tế, với những thành quả bước đầu đạt được, ngày 29/04/1993, Công ty đã được Trọng tài kinh tế Hà Nội cấp giấy phép kinh doanh số 109157 và trở thành một trong hai tổ chức hợp pháp đầu tiên và lớn

nhất của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Kiểm toán và Tư vấn Tài chính. Qua từng năm, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng cũng như mở rộng các loại hình dịch vụ, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và từng bước tạo nên uy tín và sự tin tưởng của khách hàng.

- Giai đoạn II: từ 14/09/1993 đến tháng 09/2007 (Mở rộng qui mô):

Ngày 14/09/1993, với việc nhận thức rõ sự cần thiết của KTĐL tại Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ra Quyết định số 639 TC/QĐ/TCCB đổi tên Công ty Dịch vụ Kế toán thành “Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán” - Tên giao dịch quốc tế là: AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCE SERVICE COMPANY (Viết tắt là AASC).

Cùng với sự phát triển của hoạt động SXKD, nhu cầu đối với các dịch vụ tư vấn, kế toán, kiểm toán cũng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Để đáp ứng nhu cầu đó, AASC cũng không ngừng mở rộng qui mô.

Tháng 03/1992, Công ty thành lập chi nhánh đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh và đến tháng 3/1995, được phép của Bộ Tài Chính, chi nhánh này tách ra khỏi AASC và thành lập CTKT và Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Sài Gòn (AFC). Cũng trong thời gian đó, chi nhánh AASC tại Đà Nẵng và chi nhánh CTKT Việt Nam (VACO) tại Đà Nẵng kết hợp với nhau thành lập Công ty Tư vấn và Kiểm toán (A&C).

Song song với đó, Công ty tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động của mình bằng việc thành lập thêm các chi nhánh và văn phòng đại diện ở một số tỉnh, thành phố khác. Ngày 14 tháng 4 năm 1995, chi nhánh AASC tại Thanh Hóa được thành lập và chính thức đi vào hoạt động. Và ngày 2 tháng 2 năm 1996, văn phòng đại diện của Công ty tại Hải Phòng cũng được thành lập. Ngày 13 tháng 3 năm 1997, Công ty thành lập lại văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh thay thế cho chi nhánh cũ đã tách ra. Văn phòng đại diện này được nâng cấp thành chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh lớn

nhất của AASC từ tháng 5 năm 1998. Cũng trong năm đó, Công ty mở thêm chi nhánh tại tỉnh Quảng Ninh. Và văn phòng đại diện tại Hải Phòng được nâng cấp thành chi nhánh Hải Phòng từ năm 2003. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2004, chi nhánh tại Hải Phòng đã ngừng hoạt động. Hiện nay, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có trụ sở chính đặt tại Hà Nội và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Ninh trong đó chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh là chi nhánh lớn nhất.

Tháng 4/2005, AASC chính thức trở thành hội viên Hội KTV hành nghề Việt Nam – VACPA.

Tháng 7/2005, AASC chính thức gia nhập tổ chức hội kế toán và kiểm toán quốc tế INPACT và trở thành đại diện cho INPACT quốc tế tại Việt Nam.

- Giai đoạn III: Từ tháng 09/2007 đến nay (Giai đoạn phát triển):

Do yêu cầu về tính độc lập cũng như hiệu quả của công tác kiểm toán và tuân theo các cam kết với Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tháng 7/2007, công ty đã chuyển đổi loại hình DN vốn là DN Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính thành công ty KTĐL thành công ty TNHH hai thành viên trở lên. Ngày 27/07/2007 tại nhà hát lớn Hà Nội, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã tổ chức lễ ra mắt và nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới. Đây là mốc son trong lịch sử phát triển và hội nhập của Công ty và cũng là sự kiện phát triển đặc biệt của ngành KTĐL Việt Nam, chấm dứt việc bao cấp của nhà nước cho hoạt động kiểm toán.

Ngày 18/02/2011, AASC trở thành thành viên của Mạng lưới quốc tế các Hãng Kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp HLB, một trong những tổ chức Kế toán, Kiểm toán và Tư vấn quản trị có qui mô lớn hàng đầu thế giới.

Ngày 17/05/2013, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đổi tên thành Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, công bố biểu tượng Logo mới của AASC. Điều này đã góp phần nâng vị thế và tầm vóc của AASC lên một tầm cao mới, thu hẹp khoảng cách với nhóm CTKT Big Four. Dù thay đổi về tên gọi, nhưng Hãng Kiểm toán AASC vẫn gìn giữ, phát huy những giá trị truyền thống, giá trị cốt lõi của AASC, là 1 trong 2 công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam đầu tiên được thành lập. Cùng với việc công bố tên gọi và logo mới của Hãng Kiểm toán AASC, Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự (ACG) đã ra mắt hoạt động nhằm chuyên môn, chuyên nghiệp hóa các dịch vụ để cung cấp cho khách hàng các dịch vụ Tư vấn Tài chính, Kế toán, Thuế... với chất lượng cao nhất.

Tháng 4/2017, AASC đón nhận Giải thưởng Thương Mại Dịch Vụ tiêu biểu toàn quốc “TOPTRADE SERVICES” do Bộ Công thương bình chọn và trao giải. Năm 2017, AASC tổ chức kỷ niệm 10 năm chuyển đổi từ DN nhà nước thành Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên (2007 – 2017).

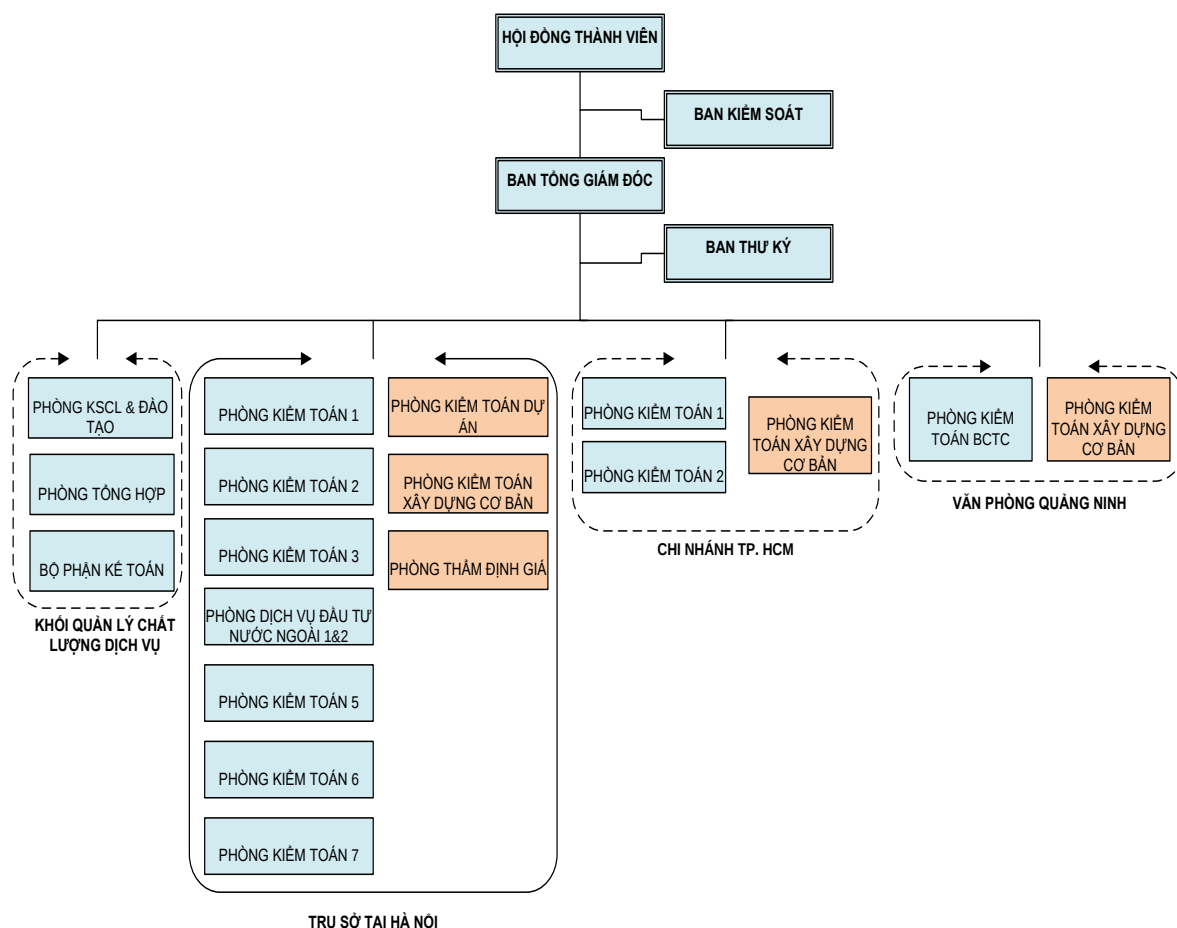
Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại Hà Nội, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã tổ chức buổi gặp mặt thân mật kỷ niệm 5 năm ngày công bố Thương hiệu AASC, 5 năm ngày ra mắt hoạt động ACG (17/5/2013 – 17/5/2018) và ra mắt hoạt động Công ty TNHH Thẩm định giá AASC Việt Nam (AVV).

Sau 30 năm hoạt động và phát triển bền vững, Hãng Kiểm toán AASC đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, dịch vụ kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, dịch vụ đào tạo kế toán, bồi dưỡng kế toán trưởng, cán bộ quản lý tài chính – kế toán, cung cấp các dịch vụ có chất lượng tốt cho các ngành kinh tế, các lĩnh vực kinh tế, các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được thể hiện rõ qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của AASC



- Hội đồng thành viên: Là cơ quan quyết định cao nhất, có chức năng quyết định phương hướng phát triển của Công ty, thông qua BCTC hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận, cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

- Ban kiểm soát: Kiểm soát các hoạt động, nhằm phát hiện những sai sót và điểm yếu trong cơ cấu tổ chức và vận hành của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên.

- Ban TGD: TGD là người đại diện hợp pháp của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày và có quyền ra quyết định điều hành Công ty

trong giới hạn cho phép quy định trong Điều lệ công ty. Phó TGD thực hiện chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chi nhánh và các phòng ban, đưa ra các kiến nghị hỗ trợ TGD.

- Ban thư ký: Hỗ trợ và giúp việc cho TGD, tổng hợp và phát hành các bản tin cập nhật quy định mới và bản tin nội bộ của Công ty.

- Bộ phận kế toán: Thực hiện công việc hạch toán kế toán, lập BCTC và báo cáo kết quả hoạt động, tình hình tài chính với Hội đồng thành viên và Ban TGD.

- Phòng Tổng hợp: Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức của Công ty; tổ chức và quản lý nhân sự; bảo vệ tài sản; quản lý công văn, hồ sơ, tài liệu,...

- Phòng Kiểm soát chất lượng và đào tạo: Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, phụ trách công tác đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phòng kiểm toán 1, 2, 3, 5, 6, 7 và phòng kiểm toán BCTC (đối với Văn phòng Quảng Ninh): Chủ yếu thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC.

- Phòng dịch vụ đầu tư nước ngoài: Phụ trách các khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài cũng như các dự án do các Tổ chức quốc tế hỗ trợ.

- Phòng kiểm toán Xây dựng cơ bản: Phụ trách về kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Phòng kiểm toán dự án: Kiểm toán các công trình, dự án đầu tư của quốc gia, các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương.

- Phòng thẩm định giá: Cung cấp các dịch vụ thẩm định giá trị tài sản, xác định giá trị DN, tư vấn cổ phần hóa.

Bộ máy quản lý của Công ty được thực hiện theo mô hình các phòng nghiệp vụ, mỗi phòng nghiệp vụ chịu trách nhiệm về một lĩnh vực riêng, nhưng vẫn có sự liên quan hỗ trợ lẫn nhau, đáp ứng yêu cầu khách hàng. Các chi nhánh ở các tỉnh thành phố là mô hình thu nhỏ của Công ty, hoạt động độc lập.

❖ **Đội ngũ nhân sự:**

Hiện nay, AASC có đội ngũ bao gồm hơn 450 cán bộ, kiểm toán viên, kỹ thuật viên, trợ lý kiểm toán, được đào tạo đại học và trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán và kiểm toán ở trong nước và ở nước ngoài, trong đó có trên 80 Kiểm toán viên Việt Nam, 06 Hội viên ACCA, 03 Hội viên CPA Úc, 02 Hội viên CIMA, 01 Hội viên CIA, 27 Thẩm định viên về giá, 36 Chứng chỉ tư vấn thủ tục về Thuế và hàng trăm cộng tác viên bao gồm các Giáo sư, Tiến sỹ, Kiểm toán viên, Thẩm định viên về giá với kinh nghiệm và chuyên môn dày dặn, sâu sắc và phong phú, chắc chắn sẽ đáp ứng những yêu cầu cao nhất của khách hàng.

2.1.1.2. Các dịch vụ do AASC cung cấp

- Dịch vụ kiểm toán và đảm bảo: Kiểm toán BCTC là hoạt động chủ yếu, là thế mạnh làm nên thương hiệu của AASC. Dịch vụ Kiểm toán và đảm bảo của AASC bao gồm những mảng sau: Kiểm toán BCTC, Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, Kiểm toán dự án ODA, Kiểm toán DN FDI, Kiểm toán quỹ tín dụng nhân dân;

- Dịch vụ kế toán: AASC được hình thành và phát triển từ khởi đầu là một đơn vị chuyên cung cấp các dịch vụ kế toán. Dịch vụ kế toán của AASC đã được Bộ Tài chính và đông đảo khách hàng tín nhiệm và đánh giá cao, bao gồm: Ghi sổ kế toán, lập BCTC, lập Báo cáo quyết toán dự án và các báo cáo tư vấn khác; xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán; chuyển đổi báo cáo sang IFRS và tư vấn kế toán;

- Dịch vụ tư vấn: Với kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc, AASC đã thực hiện đa dạng nhiều loại hình dịch vụ tư vấn được khách hàng đánh giá cao như: Dịch vụ tư vấn đầu tư (IAS), Dịch vụ tư vấn thuế (TAS), Dịch vụ hỗ trợ dự án (PMS), Dịch vụ Tài chính/Kế toán (FAS), Dịch vụ quản trị rủi ro (RMS), Dịch vụ Chiến lược và Quản trị kinh doanh (BCS), Dịch vụ đào tạo (TNS);

- Dịch vụ chuyển giá: AASC sẽ giúp xây dựng các lợi thế chiến lược thông qua việc sử dụng chuyển giá như công cụ quản lý quan trọng, và xử lý các vấn

đề khác nhau về thuế, giúp khách hàng tập trung vào mục tiêu chính là phát triển kinh doanh;

- Dịch vụ định giá & tư vấn cổ phần hóa: Bao gồm thẩm định giá tài sản, xác định giá trị DN, giám định tài chính, kế toán;

- Dịch vụ đào tạo: AASC đã trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc hợp tác với các trường đại học, các ngành, các địa phương ở trong nước và các tổ chức quốc tế, mở các khoá bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao kiến thức về quản trị kinh doanh, về tài chính kế toán và kiểm toán, về phân tích đầu tư, chứng khoán, về thuế và bảo hiểm... cho hàng trăm kế toán viên, kế toán trưởng và các kiểm toán viên nội bộ, qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác kế toán, kiểm toán nội bộ trong DN;

- Dịch vụ công nghệ thông tin: AASC đang là đối tác tin cậy của trên 1.500 khách hàng tại Việt Nam và là đối tác cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin của Microsoft và các giải pháp quản trị DN trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây của các hãng hàng đầu thế giới như Zoho, Bitrix24 ... giúp DN quản lý rủi ro và nắm bắt các cơ hội để làm cho ngân sách được tối ưu khi thực hiện các chiến lược công nghệ thông tin của khách hàng.

2.1.1.3. Tình hình và KQHĐKD của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Tình hình KQHĐKD của AASC trong 3 năm gần nhất doanh thu luôn tăng khá cao cho thấy AASC đang ngày càng khẳng định được uy tín của mình trên thị trường.

**Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh gần đây của Công ty TNHH
Hãng Kiểm toán AASC**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	257.635	240.554	252.158
2. Chi phí	Triệu đồng	254.949	240.090	251.457
3. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.828	3.088	4.819
4. Các khoản thuế phải nộp NSNN	Triệu đồng	30.200	27.902	30.773
5. Số lượng cán bộ CNV	Người	500	450	470
6. Số lượng KTV có chứng chỉ	Người	80	75	52

Theo xếp hạng của Bộ Tài chính và Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA), hiện nay AASC là CTKT lớn nhất trong Hệ thống các CTKT Việt Nam về doanh thu. Đặc biệt, AASC là một trong những đơn vị dẫn đầu về Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của Ngành KTĐL Việt Nam, cụ thể như sau:

- Xếp thứ năm (sau Big4) về tổng doanh thu;
- Xếp thứ nhất về doanh thu Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
- Xếp thứ hai về doanh thu thẩm định giá tài sản;
- Xếp thứ hai về doanh thu từ khách hàng là DNNN;
- Xếp thứ tư về doanh thu từ đơn vị có lợi ích công chúng;
- Xếp thứ tư về số lượng khách hàng.

2.1.1.4. Mạng lưới khách hàng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

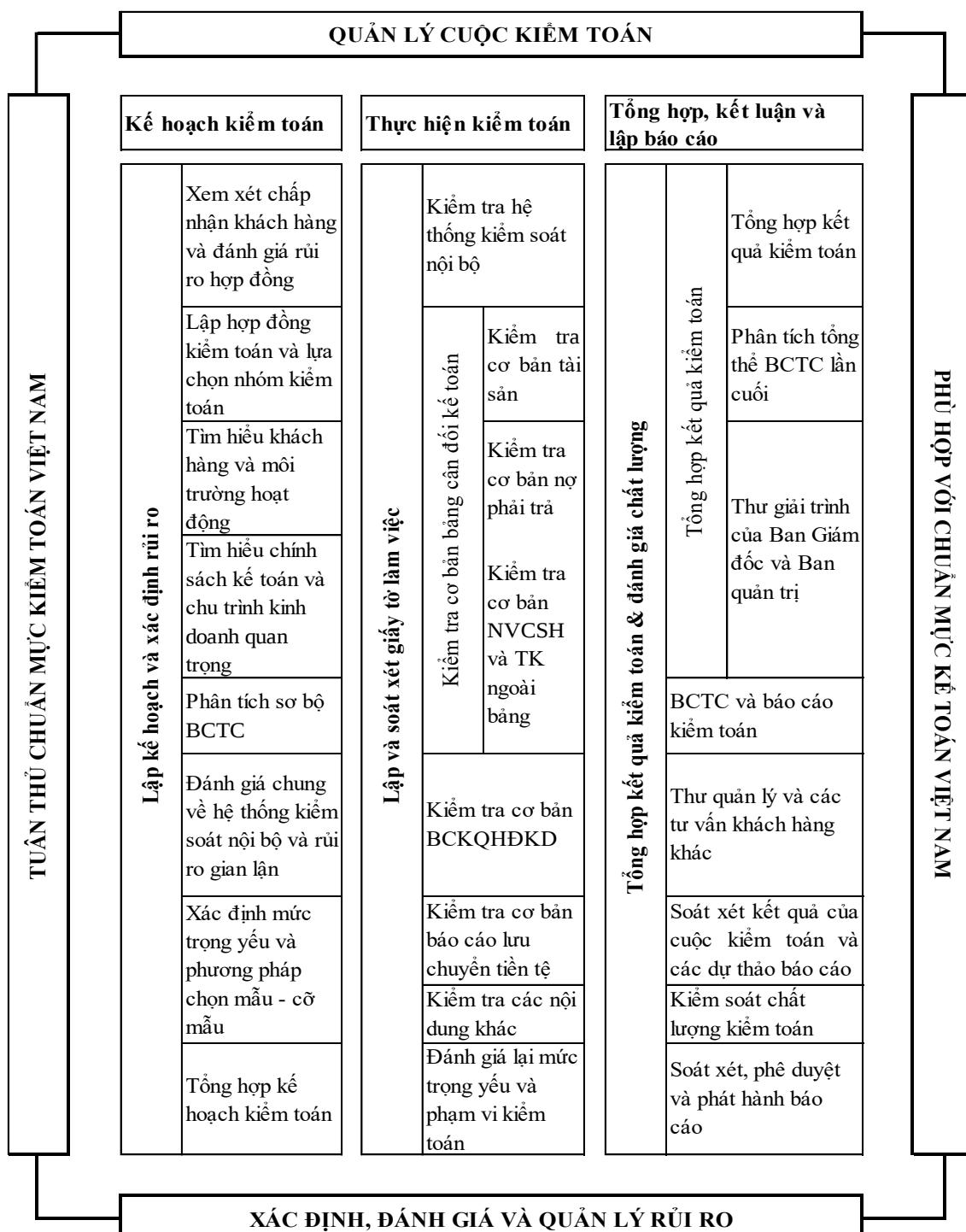
Trong hơn 30 năm hoạt động và phát triển, AASC có mạng lưới khách hàng đông đảo trên khắp cả nước, thuộc mọi loại hình và hoạt động trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân như: công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, vận tải. Loại hình khách hàng của AASC cũng rất đa dạng, bao gồm: các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; DN niêm yết trên thị trường chứng khoán, công ty đại chúng; công ty chứng khoán; dự án được tài trợ bởi các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, IMF; tổ chức phi lợi nhuận; DN có vốn đầu tư nước ngoài; ngân hàng thương mại; cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp; công ty cổ phần, công ty TNHH thuộc khu vực kinh tế tư nhân; các tổ chức, DN Việt Nam đầu tư tại nước ngoài.

Hiện nay công ty đã và đang cung cấp dịch vụ cho gần 2000 khách hàng. Số lượng hợp đồng kiểm toán của công ty không ngừng tăng. Với với các khách hàng truyền thống, sau mỗi năm kiểm toán đều bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán với sự tin tưởng lớn. Mặt khác, Công ty cũng chú trọng khai thác khách hàng tiềm năng và gửi các đơn chào hàng. Với uy tín, chất lượng và kinh nghiệm, mặc dù trên thị trường hiện nay số lượng các CTKT đang tăng nhanh và môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt, thị trường của Công ty vẫn không ngừng được mở rộng.

2.1.2. Quy trình chung kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

❖ Quy trình kiểm toán BCTC do công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2: Quy trình kiểm toán do công ty TNHH Hãng Kiểm toán
AASC thực hiện**



Qua sơ đồ trên, có thể khái quát các bước công việc trong từng giai đoạn của quy trình kiểm toán BCTC do AASC đó là:

- Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán: AASC áp dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán để tìm hiểu và xác định rủi ro, đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu và thiết kế các mô hình kiểm toán phù hợp để xử lý các rủi ro đã đánh giá;

- Trong giai đoạn thực hiện kiểm toán: AASC triển khai vận dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán theo mô hình đã dự kiến trong kế hoạch với mục tiêu là khảo sát kiểm soát đối với các chu trình kinh doanh chủ yếu; khảo sát kiểm soát đối với các soát xét tổng hợp khác;

- Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, AASC một lần nữa sử dụng phương pháp, thủ tục kiểm toán để soát xét tổng thể BCTC nhằm đánh giá tính hợp lý của các chỉ tiêu trên BCTC và góp phần hỗ trợ đánh giá lại khả năng hoạt động liên tục. Từ đó giúp KTV hình thành kết luận tổng thể về BCTC.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức hồ sơ kiểm toán tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

AASC không sử dụng phần mềm kiểm toán mà sử dụng ứng dụng Microsoft Sharepoint Workspace để trao đổi thông tin giữa nhóm kiểm toán và các thành viên ban lãnh đạo phụ trách cuộc kiểm toán. Đối với mỗi cuộc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ lập một Group làm việc bao gồm các thành viên tham gia cuộc kiểm toán. Group này là nơi lưu trữ tất cả các tài liệu liên quan đến cuộc kiểm toán, bao gồm: thông tin khách hàng, tài liệu khách hàng cung cấp, BCKT thu thập được, giấy tờ làm việc của các thành viên,...; đồng thời là nơi thảo luận về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kiểm toán.

Bảng 2.2: Bảng tổng hợp hồ sơ

Nội dung	REF	REF chi tiết
Các báo cáo dự thảo	2	2.02-Thư quản lý 2.03-Thư giải trình BGD 2.04-Rà soát các BC khác được phát hành cùng BCTC
Hoàn tất và soát xét	3	3.02-Tổng hợp kết quả kiểm toán 3.03-Tổng hợp sai sót 3.04-Soát xét của các cấp 3.05-Soát xét của BGD
Dự thảo Lập kế hoạch và kiểm soát	4	4.01-Rà soát tổng thể việc lập kế hoạch kiểm toán 4.02-Trách nhiệm của các cấp 4.04-Mức trọng yếu và lấy mẫu 4.05-Xét các yếu tố ảnh hưởng tính độc lập và biện pháp bảo vệ
Tìm hiểu về khách hàng	5	5.01-Tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro 5.02-Tìm hiểu HTKSNB của đơn vị 5.06-Tìm hiểu các bên liên quan
Các vấn đề khác	6	6.02-Kiểm tra số liệu so sánh-năm đầu tiên 6.04-Kiểm tra tổng thể BCTC 6.05-Sự kiện phát sinh sau niên độ
Tài liệu trao đổi với khách hàng	7	7.01-Trao đổi với Ban Quản trị, BGD về kế hoạch kiểm toán 7.02-Danh mục tài liệu đề nghị cung cấp 7.03-Trao đổi với khách hàng về khiếm khuyết của hệ thống KSNB

Khi hoàn tất công việc kiểm toán, các tài liệu kiểm toán (GLV và BCKT) được in ra và lưu trong Hồ sơ kiểm toán năm. GLV là bản ghi chép của người thực hiện kiểm toán phản ánh thông tin về kế hoạch, nội dung, thời gian, phạm vi của các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, đồng thời ghi lại kết quả của các công việc đã thực hiện và các kết luận kiểm toán. GLV chứng minh công việc đã thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình kiểm toán đã đề ra; bằng chứng

đảm bảo rằng cuộc kiểm toán được thực hiện theo VSAs và ISAs được thừa nhận đồng thời là cơ sở hình thành ý kiến của KTV về BCTC được kiểm toán. Chỉ số từng mẫu GLV ký hiệu bằng chữ cái in hoa và sắp xếp theo các quy trình như sau:

Bảng 2.3: Các mẫu Giấy làm việc theo các quy trình

Chu trình	Tham chiếu
A-Tài sản	A1-Tiền và các khoản tương đương tiền A2-Các khoản phải thu khác A3-Chi phí trả trước A4-Các khoản ký quỹ A5-Tạm ứng
B-Mua hàng	B1-Phải trả người bán B2-Chi phí phải trả B3-Các khoản phải trả khác B5-Chi phí bán hàng B6-Chi phí quản lý DN
C-Hàng tồn kho	C1-Hàng tồn kho C2-CPSX, giá thành
D-Đầu tư xây dựng cơ bản	D1-TSCĐ D2-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang D3-BĐS đầu tư
E-Các khoản phải trả	E1-Vay và nợ E2-Thuế và các khoản phải nộp NN E3-Lương và các khoản trích theo lương
F-Bán hàng	F1-Phải thu khách hàng

	F2-Doanh thu
G-Đầu tư tài chính	G1-Đầu tư tài chính
H-Nguồn vốn-Công nợ nội bộ	H1-Phải thu, phải trả nội bộ H2-Vốn đầu tư CSH H4-Chênh lệch tỷ giá H5-Các quỹ-LNST
I-Xác định kết quả kinh doanh	I2-Thuế TNDN I3-Doanh thu, chi phí tài chính I4-Thu nhập, chi phí khác
K-Các vấn đề khác	K1-K5

2.2. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

Tại Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu, Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC được thực hiện qua 3 giai đoạn cho mọi khách hàng bao gồm:

- Giai đoạn lập kế hoạch
- Giai đoạn thực hiện kiểm toán
- Giai đoạn kết thúc kiểm toán

2.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

a. Chuẩn bị kiểm toán

❖ Đánh giá về khách hàng

Hàng năm, AASC đều gửi thư chào hàng tới các công ty không phân biệt khách hàng truyền thống hay khách hàng mới. Qua đó, công ty giới thiệu về uy

tín, kinh nghiệm và chất lượng của các dịch vụ mà công ty sẽ cung cấp cho khách hàng. Nếu khách hàng đồng ý sẽ phát hành thư mời kiểm toán.

Sau khi nhận được thư mời, AASC sẽ tiếp xúc với Ban giám đốc khách hàng và xem xét qua tình hình kinh doanh của khách hàng trong năm rồi mới kí hợp đồng kiểm toán.

- Đối với khách hàng mới

Trước khi ký hợp đồng với khách hàng mới, AASC thực hiện đánh giá khách hàng mới, đánh giá rủi ro để đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán cũng như bảo vệ hình ảnh của AASC, đây là mục tiêu AASC đang hướng đến.

Mục đích đánh giá khách hàng mới: KTV tiến hành đánh giá khách hàng nhằm mục đích đảm bảo các thông tin thu thập đầy đủ, rủi ro thấp để cho phép AASC quyết định có nên ký hợp đồng mới với khách hàng tiềm năng này không.

Công việc: KTV sẽ thu thập những thông tin về khách hàng bao gồm những tổng quan về kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh, tổ chức và hoạt động của khách hàng,... những thông tin này được lưu vào hồ sơ thường trực của AASC. Thông tin bao gồm quyền sở hữu, quản lý của ĐVKH năm nay có gì thay đổi với năm trước hay không; các quy định pháp luật có ảnh hưởng gì đến hoạt động của đơn vị không đồng thời tình hình tài chính, nguồn nhân lực có đảm bảo điều kiện hoạt động của đơn vị hay không; tìm hiểu các năm trước khách hàng có kiểm toán không; đơn vị thực hiện kiểm toán năm trước là đơn vị nào; tại sao năm nay đơn vị đó lại không kiểm toán cho khách hàng nữa, khi biết nguyên nhân, kiểm toán viên sẽ đánh giá rủi ro.

Đối với khách hàng cũ

AASC thực hiện đánh giá rủi ro liên quan đến khách hàng cũng như thay đổi của khách hàng năm nay so với năm trước để đưa ra quyết định có tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng không.

Mục đích đánh giá khách hàng hiện tại: KTV tiến hành đánh giá khách hàng nhằm mục đích đảm bảo các thông tin thu thập đầy đủ để cho phép AASC quyết định xem có nên tiếp tục hợp đồng kiểm toán không.

Công việc: KTV sẽ thu thập thông tin về quyền sở hữu, quản lý của ĐVKH năm nay có gì thay đổi với năm trước hay không; các quy định pháp luật có ảnh hưởng gì đến hoạt động của đơn vị không đồng thời tình hình tài chính, nguồn nhân lực có đảm bảo điều kiện hoạt động của đơn vị hay không. Để có được những thông tin trên KTV thực hiện các kỹ thuật như sau: KTV sử dụng kỹ thuật phỏng vấn BGĐ và các bên có liên quan ĐVKH hoặc KTV cũng có thể thu thập thông tin thông qua kênh thông tin đại chúng (báo chí, internet,...) đảm bảo thông tin thu thập được đầy đủ, chính xác có thể nắm bắt và đánh giá được tổng quát tình hình của công ty khách hàng. Công việc trên được trình bày tại GLV 4.01 “Đánh giá khách hàng hiện tại”.

Ví dụ Công ty ABC là khách hàng cũ, AASC sẽ đánh giá Công ty ABC qua GLV 4.01 (GLV 4.01 được trình bày tại phụ lục 1.2).

Trưởng nhóm kiểm toán và các trợ lý kiểm toán là người trực tiếp đến ĐVKH làm việc trên các dữ liệu khách hàng cung cấp. Để cuộc kiểm toán hiệu quả đảm bảo tính chính xác cao, quá trình kiểm toán luôn được soát xét cụ thể: Trưởng nhóm kiểm toán luôn soát xét các trợ lý kiểm toán trong và sau quá trình kiểm toán; soát xét phòng được thực hiện bởi Trưởng phòng NPH người soát xét trưởng nhóm kiểm toán; qua cấp soát xét phòng là đến cấp soát xét BGĐ do thành viên trong BGĐ thực hiện soát xét.

AASC tiến hành lựa chọn nhóm kiểm toán là những người có trình độ chuyên môn cao và đã từng kiểm toán công ty ABC các năm trước đó để thuận lợi cho việc trao đổi.

b. Lập kế hoạch kiểm toán

Bước 1: Thu thập thông tin cơ sở về khách hàng

KTV thực hiện thu thập thông tin về lĩnh vực kinh doanh; ngành nghề kinh doanh; hoạt động kinh doanh; chính sách kế toán,... của khách hàng bằng việc

sử dụng kỹ thuật phỏng vấn BGĐ và các bên liên quan của ĐVKH để thu thập thông tin về hội đồng quản trị, ban kiểm soát; môi trường hoạt động; lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của đơn vị;...

Nội dung tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động kinh được trình bày ở tại GLV 5.01: “Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động kinh doanh”.

Bảng 2.4: Giấy làm việc 5.01 “Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động kinh doanh”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

AASC AUDITING FIRM



Khách hàng/Client: Công ty ABC

5.01

Period ended: 31/12/2023

Người thực hiện/Prepared by: BDM

Ngày/Date: 02/03/2024

Người soát xét/Reviewed by: DMC

Ngày/Date: 02/03/2024

Công việc/Work-done:

Mục tiêu/Objective: Thu thập sự hiểu biết sơ bộ về đơn vị và môi trường kinh doanh.

GHI CHÉP VỀ CÁC THAY ĐỔI

Kỳ kế toán	Thay đổi
2022	Không có

I. CÁC CỔ ĐÔNG, BGĐ, BAN KIỂM SOÁT

1. Các cổ đông chính, Hội đồng quản trị, BGĐ

Tên / Name	Chức danh
Ông Nguyễn Trung H	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Văn S	Ủy viên HĐQT, TGD
Ông Phạm Minh P	Ủy viên HĐQT, Phó TGD
Bà Nguyễn Thị A	Ủy viên HĐQT, Phó TGD

2. Ban Kiểm soát

Tên / Name	Chức danh
------------	-----------

Bà Phùng Thị H	Trưởng ban
Ông Doãn Văn M	Ủy viên
Bà Hứa Thị M	Ủy viên

II. CHI TIẾT VỀ ĐƠN VỊ

1. Tên công ty

- Tên đầy đủ: Công ty ABC; Tên viết tắt: ABC

2. Địa chỉ và liên hệ

- Địa chỉ: Tòa nhà H – Lô A2, đường M, Phường N, Quận V, TP Z

- Điện thoại: 012.3466.9510

- Website: www.abc.com.vn Email: agroup@abc.com.vn

3. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty ABC được thành lập năm 2017

4. Loại hình DN (tư nhân/đại chúng/niêm yết/TNHH)

DN tư nhân trực thuộc tập đoàn XYZ

5. Vị thế trong ngành / lĩnh vực

Công ty ABC chuyên cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tư vấn, quản lý kỹ thuật, xây dựng có chất lượng cao, giá thành phù hợp. Trong 3 năm hoạt động, Công ty ABC đã không ngừng nỗ lực, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh để có được một chỗ đứng vững chắc trên thị trường cũng như luôn tìm tòi, học hỏi và phát triển để mở rộng thị trường trong nước.

6. Môi trường hoạt động và các tác động từ bên ngoài

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Xu hướng phát triển của ngành nghề đơn vị đang hoạt động (Ví dụ: nhu cầu của thị trường, thị hiếu tiêu dùng, xu thế công nghệ phổ biến trong nước, trên thế giới, ...):

Nhu cầu thị trường với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị ngày càng tăng cao, xu hướng phát triển đơn vị mở rộng.

Các tác động về pháp lý:

Chính sách quản lý của Nhà nước đối với ngành nghề đơn vị đang hoạt động (quy hoạch, định hướng phát triển, điều kiện kinh doanh, ...)

Không có

Chế độ, chính sách tài chính, kế toán, thuế áp dụng cho ngành nghề kinh doanh của đơn vị:

- Kỳ kế toán năm của Công ty ABC bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

- CĐKT áp dụng: Công ty ABC áp dụng CĐKT DN ban hành theo Quyết định theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Công ty ABC đã áp dụng các CMKT Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

- Công ty ABC áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

Chính sách quản lý tài chính vĩ mô của Nhà nước: (tỷ giá, lãi suất, quản lý ngoại hối, ...)

Không có

Các rủi ro về môi trường hoạt động và tác động ngoại cảnh:

Không có rủi ro

Ảnh hưởng của các rủi ro này đến BCTC:

Không có rủi ro trọng yếu đến BCTC

Các rủi ro về mô hình, mạng lưới hoạt động:

Không có rủi ro về hoạt động

Kết luận/Conclusion:

Công ty ABC hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn, quản lý kỹ thuật, xây dựng. Công ty đang nỗ lực phát triển để có được vị thế trong ngành tuy nhiên ngày càng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ của các DN cùng ngành.

- Kế hoạch kiểm toán đối với cuộc kiểm toán khách hàng được trưởng nhóm kiểm toán lập sau khi các KTV thực hiện khảo sát sơ bộ về khách hàng, kế hoạch này được lập dựa trên chương trình kiểm toán chung của công ty. Các công việc khảo sát sơ bộ về khách hàng bao gồm: Tìm hiểu về công ty và môi trường hoạt động, tìm hiểu về hệ thống kế toán cũng như hệ thống KSNB, thực hiện những thủ tục phân tích sơ bộ; tính toán và xác định mức trọng yếu thực hiện đối với BCTC của công ty khách hàng.

Bước 3: Tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng

KTV tiến hành tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng:

Mục đích tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB: KTV đánh giá hệ thống sơ bộ về hệ thống KSNB tại đơn vị xem là mạnh hay yếu để xác định được mức độ rủi ro giúp cho việc thiết kế chương trình kiểm toán một cách phù hợp đồng thời đưa ra ý kiến giúp đơn vị hoàn thiện hệ thống KSNB.

Công việc thực hiện: KTV phỏng vấn BGĐ đơn vị về môi trường kiểm soát; Quy trình đánh giá rủi ro; Hệ thống thông tin; HĐKS; Giám sát kiểm soát theo các câu hỏi trong bảng câu hỏi KTV thiết lập về KSNB.

Công việc trên được trình bày tại GLV 5.02 “Tìm hiểu hệ thống KSNB”.

Bảng 2.5: Giấy làm việc 5.02 “Tìm hiểu hệ thống KSNB”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC			
AASC AUDITING FIRM COMPANY			
		5.02	
Tên khách hàng:	Công ty ABC	Người thực hiện:	BDM
Niên độ kế toán:	31/12/2023	Ngày thực hiện:	02/03/2024
		Người soát xét:	DMC
		Ngày soát xét:	03/03/2024
Bước công việc		Tìm hiểu hoạt động kinh doanh, hệ thống KSNB ở cấp độ toàn DN	
1. Tìm hiểu chung về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày BCTC			
CÁC THÀNH PHẦN CỦA KSNB	Y/N/N/a	Mô tả/ Ghi chú	Tham chiếu
1. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT			
1.1 Truyền đạt thông tin và yêu cầu thực thi tính chính trực và các giá trị đạo đức trong DN			
- DN có quy định về giá trị đạo đức (ví dụ, trong quy chế nhân viên, nội quy lao động, bộ quy tắc ứng xử...) và các giá trị này có được thông tin đến các bộ phận của DN không (ví dụ, qua đào tạo nhân viên, phổ biến định kỳ...)?	Y		
- DN có quy định nào để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không?	Y		
1.2 Cam kết đối với năng lực và trình độ của nhân viên			

- DN có cụ thể hóa/mô tả các yêu cầu về trình độ, kỹ năng đối với từng vị trí nhân viên không (ví dụ, trong Quy chế nhân viên)?	Y			
- DN có chú trọng đến trình độ, năng lực của nhân viên được tuyển dụng không?	Y			
1.3 Sự tham gia của BQT				
- Thành viên BQT có độc lập với BGĐ DN không?	Y			
- BQT có bao gồm những người có kinh nghiệm, vị thế không?	Y			
1.4 Phong cách điều hành và triết lý của BGĐ				
- BGĐ có quan tâm đến công tác KSNB không? (ví dụ, có quan tâm và coi trọng việc thiết kế, thực hiện các KSNB hiệu quả không?)	Y			
- BGĐ có xây dựng phương pháp tiếp cận của BGĐ rủi ro không?	Y			
1.5 Cơ cấu tổ chức				
- Cơ cấu tổ chức DN có phù hợp với mục tiêu, quy mô, hoạt động kinh doanh và vị trí địa lý kinh doanh của đơn vị không?	Y			
- Cơ cấu tổ chức DN có khác biệt với các DN có quy mô tương tự của ngành không?				
1.6 Phân công quyền hạn và trách nhiệm				

- DN có các chính sách và thủ tục cho việc uỷ quyền và phê duyệt các nghiệp vụ ở từng mức độ phù hợp không?	Y			
- DN có sự giám sát và kiểm tra phù hợp đối với những hoạt động được phân quyền cho nhân viên không?	Y			
1.7 Các chính sách và thông lệ về nhân sự				
- DN có chính sách và tiêu chuẩn cho việc tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đề bạt, và sa thải nhân viên không?	Y			
- Các chính sách này có được xem xét và cập nhật thường xuyên không?	Y			
2. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO				
- BGĐ/BQT đã xây dựng quy trình đánh giá rủi ro kinh doanh liên quan tới BCTC chưa (<i>gồm: đánh giá rủi ro, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra, các hành động...</i>)?	Y			
- Ban Lãnh đạo có đưa ra các mục tiêu hoạt động và tài chính phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp của Công ty không?	Y			
3. HỆ THỐNG THÔNG TIN				
3.1 Tìm hiểu về hệ thống thông tin liên quan đến việc lập và trình bày BCTC				
- Xác định các nhóm giao dịch trong hoạt động của đơn vị có tính chất quan trọng đối với BCTC (<i>Nêu cụ thể nhóm giao dịch quan trọng</i>)	Y			

- Các thủ tục được thực hiện trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc thủ công, để tạo lập, ghi chép, xử lý, chỉnh sửa các giao dịch, ghi nhận vào sổ Cái và trình bày BCTC có phù hợp với quy định không?	Y			
3.2 Tìm hiểu cách thức đơn vị trao đổi thông tin về vai trò, trách nhiệm và các vấn đề quan trọng khác liên quan đến BCTC (mô tả cụ thể)				
3.3. Đánh giá về các biện pháp kiểm soát HTTT				
- DN có quy trình thu thập các thông tin quan trọng để đạt được các mục tiêu BCTC, lập và trình bày BCTC hay không?	Y			
- Hệ thống CNTT có phù hợp hay không, nhân sự CNTT có phù hợp hay không, các quy trình CNTT ví dụ xử lý dữ liệu hoặc bảo đảm an toàn của dữ liệu, v.v... có phù hợp hay không?	Y			
4. CÁC HĐKS				
4.1 Thu thập sự hiểu biết về kiểm soát cụ thể đối với các loại nghiệp vụ, số dư TK hoặc công bố để ngăn chặn hoặc phát hiện và sửa chữa các sai sót trọng yếu				
4.2 Thu thập sự hiểu biết về việc làm thế nào đơn vị đối phó với các rủi ro xuất hiện từ công nghệ thông tin				

- Có các thủ tục phù hợp trong việc chấp nhận cho lắp đặt phần cứng và phần mềm bao gồm việc chỉ định nhóm thực hiện dự án để giám sát các dự án về công nghệ thông tin, hoạt động thử và đánh giá các kỹ hờ, kiểm tra và chấp nhận người sử dụng và các vấn đề này có được lưu hồ sơ không?	Y			
- Tất cả các thay đổi chương trình có được lưu hồ sơ và phê chuẩn không?	Y			
5. GIÁM SÁT CÁC KIỂM SOÁT				
5.1 Giám sát thường xuyên và định kỳ				
- DN có chính sách xem xét lại hệ thống KSNB định kỳ và đánh giá tính hiệu quả của KSNB không? (<i>Mô tả việc đánh giá - nếu có, lưu ý nguồn thông tin sử dụng để giám sát và cơ sở để BGĐ tin tưởng là nguồn thông tin đáng tin cậy cho mục đích giám sát</i>)	Y			
5.2 Báo cáo các thiếu sót của hệ thống KSNB				
- DN có các chính sách, thủ tục để đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp sửa chữa đối với các thiếu sót của hệ thống KSNB không?	Y			
- BGĐ có xem xét các ý kiến đề xuất liên quan đến hệ thống KSNB đưa ra bởi KTV độc lập (hoặc KTV nội bộ) và thực hiện các đề xuất đó không?	Y			

- Bộ phận KTNB có gửi báo cáo phát hiện các thiếu sót của KSNB lên BQT hoặc Ban Kiểm soát kịp thời không?	Y			
- Bộ phận KTNB có theo dõi các biện pháp sửa chữa của BGĐ không?	Y			
- Bộ phận KTNB có quyền tiếp cận trực tiếp BQT hoặc Ban Kiểm soát không?	Y			

Kết luận / Conclusion:

Đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị là:

Mạnh ☒ Trung bình ☐ Yếu ☐

Bước 4: Đánh giá rủi ro và xác định mức trọng yếu

Đánh giá rủi ro:

- Rủi ro tiềm tàng: Dựa vào GLV 5.01 “Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động kinh doanh”: KTV tiến hành tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động, lĩnh vực kinh doanh và các đặc điểm của hoạt động SXKD có ảnh hưởng đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính kết hợp với xét đoán nghề nghiệp của bản thân để đánh giá rủi ro tiềm tàng liên quan đến hai khoản mục trên tại công ty ABC là *Thấp*.

- Rủi ro kiểm soát: Thông qua GLV 5.02 “Tìm hiểu hệ thống KSNB”, KTV đã đưa ra đánh giá về hệ thống KSNB và đánh giá rủi ro kiểm soát là *Thấp*.

Như vậy thông qua ma trận đánh giá rủi ro, KTV dự kiến rủi ro phát hiện tại công ty ABC là *Cao*.

Xác định mức trọng yếu:

Trong kiểm toán BCTC việc xác định mức trọng yếu là một trong những nội dung hết sức quan trọng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và hiệu quả của cả cuộc kiểm toán. Bởi lẽ trọng yếu nói chung và khía cạnh mức trọng yếu

nói riêng là căn cứ để KTV và DN kiểm toán đánh giá mức độ phù hợp giữa các thông tin mà khách hàng trình bày trên BCTC so với các khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được quy định.

Để xác định mức trọng yếu, KTV cần phải dựa vào các thông tin tài chính của DN và dựa vào những kinh nghiệm của mình. Thông thường, KTV thường căn cứ vào các chỉ tiêu lớn trên BCTC như doanh thu, lợi nhuận sau thuế hoặc tổng tài sản để nhân với các tỷ lệ quy định xác định mức trọng yếu. KTV xác định theo mẫu giấy làm việc 5.04 Xác định mức trọng yếu ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:

Bảng 2.6: Giấy làm việc 5.04 “Xác định mức trọng yếu ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN			
AASC		5.04	
Khách hàng (Client): Công ty ABC	Prepared by: BDM	Date: 02/03/2024	
Kỳ kế toán (Period ended): 31/12/2023	Reviewed by: NPH	Date: 02/03/2024	
Phân hành: Xác định mức trọng yếu cho BCTC riêng/tổng hợp			
Objective: Xác định mức trọng yếu ở giai đoạn lập kế hoạch			
Mức trọng yếu được lập trong giai đoạn lập kế hoạch dựa trên các thông tin thu thập được về hoạt động và số liệu trên BCTC của đơn vị được kiểm toán. Kiểm toán viên phải dựa trên các xét đoán chuyên môn để xem xét lại mức trọng yếu trong quá trình thực hiện kiểm toán và giai đoạn kết thúc kiểm toán để đưa ra các thủ tục kiểm toán phù hợp và đầy đủ.			
	Tỷ lệ sử dụng để ước tính	Số liệu BCTC Năm nay	Số liệu BCTC Năm trước
		VND	VND
Tiêu chí để xác định mức trọng yếu:			
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu		132.302.793.406	116.882.433.716
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	1% (A)	1.323.027.934	1.168.824.338

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	2% (B)	2.646.055.868	2.337.648.674
Tổng tài sản		409.069.220.492	271.893.476.520
Tổng tài sản	0.5% (C)	2.045.346.102	1.359.467.382
Tổng tài sản	1% (D)	4.090.692.206	2.718.934.766
Doanh thu		678.480.315.968	528.020.965.930
Doanh thu	0.5% (E)	3.392.401.580	2.640.104.830
Doanh thu	1% (F)	6.784.803.160	5.280.209.660
Lợi nhuận trước thuế		19.503.194.436	20.149.379.996
Lợi nhuận trước thuế	5% (G)	975.159.722	1.007.468.998
Lợi nhuận trước thuế	10% (H)	1.950.319.444	2.014.938.000
Mức trọng yếu tổng thể - Giai đoạn lập kế hoạch	(I)	975.159.722	1.007.468.998
(Xác định theo tiêu chí: Lợi nhuận trước thuế)	H	975.159.722	1.007.468.998
Lý do lựa chọn tiêu chí để xác định mức trọng yếu tổng thể: <i>Công ty hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên lợi nhuận trước thuế là chỉ tiêu mà các nhà đầu tư, người lao động và đối tác của Công ty quan tâm</i>			
Lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là:	50%		
Lý do lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện: <i>RRKT được đánh giá mức là Cao</i>			
Trong đó:			
- RRKT là Cao thì tỷ lệ % xác định mức trọng yếu thực hiện là 40% đến 55%			
- RRKT là Trung bình thì tỷ lệ % xác định mức trọng yếu thực hiện là 55% đến 75%			
- RRKT là Thấp thì tỷ lệ % xác định mức trọng yếu thực hiện là 75% đến 90%			

Mức trọng yếu thực hiện	(J) = I x tỷ lệ %	487.579.860	
Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua	(K) = J x 4% (tối đa)	19.503.194	
Giai đoạn kết thúc kiểm toán			
Mức trọng yếu tổng thể	(L)		
Mức trọng yếu thực hiện	(M)		
Lý do phải điều chỉnh mức trọng yếu trong giai đoạn Kết thúc kiểm toán: N/A			
Kết luận: Mức trọng yếu tổng thể của BCTC chỉ được phân bổ cho các chỉ tiêu trên BCĐKT, không phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục trên Báo cáo KQHĐKD. KTV căn cứ vào xét đoán nghề nghiệp để xác định mức trọng yếu. Tuy nhiên, mức trọng yếu của các khoản mục trên Báo cáo KQHĐKD không được vượt quá mức trọng yếu tổng thể của BCTC. Dựa trên mức trọng yếu thực hiện cho toàn cuộc kiểm toán BCTC đã được trình bày trên, theo đó mức trọng yếu thực hiện là: 487.579.860 VND. Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua là: 19.503.194 VND.			

Bước 5: Xác định phương pháp chọn mẫu và cỡ mẫu

- Về phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thống kê để đảm bảo cho mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh có liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đều có khả năng như nhau và kết hợp với xét đoán của KTV.

- Về cỡ mẫu: Dựa trên quy định của AASC kết hợp với xét đoán của KTV.

Bước 6: Thiết kế chương trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, chương trình kiểm toán được xây dựng trên GLV I34 “Chương trình kiểm toán Doanh thu tài chính, Chi phí tài chính”.

Bảng 2.7: Giấy làm việc I34 “Chương trình kiểm toán Doanh thu tài chính, Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM					
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	<b style="color: red;">I34			
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023				
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 02/03/2024			
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024			
Objective: Chương trình kiểm toán/Audit programme Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses					
TÀI LIỆU YÊU CẦU KHÁCH HÀNG CHUẨN BỊ: - Sổ cái và các sổ kế toán chi tiết liên quan đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính - Các tài liệu khác có liên quan như: biên bản phân chia lợi nhuận, hợp đồng vay, hợp đồng cho vay, hợp đồng thuê tài chính,...					
XEM XÉT QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH Tham khảo Biểu 4.01, 5.01, 5.02 trong việc xác định những kiểm soát chủ yếu, các rủi ro (bao gồm cả các rủi ro về gian lận) và phương pháp với rủi ro được đánh giá					
THỦ TỤC KIỂM TOÁN (thêm bớt cho phù hợp với từng cuộc kiểm toán)					
STT		Assertions addressed	W/P Ref	Notes	Work completed initials and date
1	LẬP BIỂU TỔNG HỢP				

1.1	Lập Biểu tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính		<u>I311</u>		02/03/2024
1.2	Đối chiếu số năm/kỳ trước trên Biểu tổng hợp, Báo cáo KQHĐKD, sổ cái, sổ chi tiết với số liệu năm/kỳ trước hoặc Hồ sơ kiểm toán năm trước (nếu có).		<u>I312</u>		02/03/2024
1.3	Đối chiếu số năm nay/kỳ này trên Biểu tổng hợp với sổ chi tiết.		<u>I312</u>		02/03/2024
2	CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN				
2.1	Xem xét xem chính sách kế toán áp dụng cho doanh thu và chi phí hoạt động tài chính có phù hợp với các CMKT (cần đặc biệt chú ý đến VAS 01, 10, 14, 16), các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực của Bộ Tài chính, CĐKT và các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến DN không.		<u>I353</u>		02/03/2024
2.2	Xem xét xem chính sách kế toán áp dụng cho doanh thu và chi phí hoạt động tài chính có nhất quán với các năm trước không. Trường hợp có thay đổi trong chính sách kế toán đơn vị có tuân thủ theo hướng dẫn của VAS 29 không		<u>I353</u>		02/03/2024

3	THỦ TỤC PHÂN TÍCH				
3.2	Xem xét tính hợp lý và nhất quán với các năm/kỳ trước của từng loại doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Tìm hiểu và thu thập các giải trình cho các biến động bất thường.		<u>I361</u>		02/03/2024
3.3	So sánh doanh thu và chi phí hoạt động tài chính giữa các tháng (quý) trong năm/kỳ. Tìm hiểu và thu thập các giải trình cho các biến động bất thường		<u>I362</u>		02/03/2024
3.4	Ước tính chi phí lãi vay dựa trên số dư bình quân của từng khoản vay và lãi suất. Tìm hiểu và thu thập các giải trình cho nguyên nhân chênh lệch.		<u>I363</u>		02/03/2024
3.5	Tổng hợp và giải thích nội dung đối ứng tài khoản.		<u>I364</u>		02/03/2024
4	KTCT				
4.1	Trường hợp năm trước chưa kiểm toán, đối chiếu số liệu năm/kỳ trước với BCTC đã kiểm toán của công ty khác, xem Hồ sơ kiểm toán năm trước của CTKT khác hoặc xem chứng từ để xác nhận số liệu năm/kỳ trước.	O, A, CL			
4.2	"Đối chiếu với giấy tờ làm việc các phân hành khác về số liệu kết chuyển: - Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá. - Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn."	O, A	<u>I391</u>		02/03/2024

4.3	"Kiểm tra 100% các nghiệp vụ về: - Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, đối chiếu với các biên bản họp phân chia lợi nhuận. - Tinh lãi và thu lãi tín phiếu, trái phiếu. - Lãi (lỗ) hoạt động mua bán, chuyển nhượng các khoản đầu tư. - Lãi (lỗ) hoạt động mua bán, chuyển nhượng các khoản đầu tư. - Các khoản doanh thu, chi phí kinh doanh chứng khoán. - Các khoản doanh thu, chi phí mua bán ngoại tệ. - Chi phí phát hành trái phiếu."	O, A, CL	<u>I383</u>		02/03/2024
4.4	Kiểm tra chọn mẫu các khoản doanh thu, chi phí tài chính khác.	O, A, CL			
	"Kiểm tra tính đúng kỳ: - Đọc sổ chi tiết doanh thu, chi phí tài chính, tiền mặt, tiền gửi và tờ khai thuế GTGT sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xác định các giao dịch không đúng niên độ. - Xem xét các khoản doanh thu, chi phí tài chính của kỳ trước nhưng được ghi nhận trong kỳ kiểm toán, đánh giá khả năng rủi ro này có thể lặp lại."		<u>I383</u>		02/03/2024
	"Đối với các giao dịch với bên liên quan (1): Kiểm tra việc ghi chép, phê duyệt, giá áp dụng,... Lưu ý các giao dịch phát sinh gần cuối kỳ kế toán. Kết hợp với các phần hành có liên quan để gửi thư xác nhận về các giao dịch trong kỳ."				

	Rà soát và tổng hợp các khoản chi phí tài chính không đủ điều kiện là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN (phối hợp với phần hành Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước).				
5	RÀ SOÁT TỔNG THỂ				
5.1	Đọc lướt qua sổ chi tiết các tài khoản doanh thu và chi phí hoạt động tài chính để phát hiện các nghiệp vụ bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc. Đảm bảo không có khoản chi phí nào liên quan đến việc tăng, giảm vốn bao gồm trong chi phí hoạt động tài chính.	O, A, CO, CL			
6	"TRÌNH BÀY VÀ CÔNG BỐ"	ORO, C, CU, AV			
6.1	Xem xét việc trình bày và công bố doanh thu và chi phí hoạt động tài chính trên dự thảo BCTC có phù hợp với yêu cầu với các CMKT và CĐKT không.				
7	CÁC THỦ TỤC KIỂM TRA BỔ SUNG				

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ /

CONCLUSIONS AND SUGGESTIONS

Dựa trên các công việc đã thực hiện, các BCKT thu thập được và các điều chỉnh đề nghị đã được đơn vị đồng ý, Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Based on the works already done and

the audit evidences obtained as well as adjusting entries approved, financial income and expense are:

- ☒ Được trình bày trung thực và hợp lý
Truly and fairly presented
- ☐ Không được trình bày trung thực và hợp lý
Not truly and fairly presented

Các lý do Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính không được trình bày trung thực và hợp lý /
The causes leading to the fact that financial income and expenses not presented truly and fairly are as follows:

Không có

Kiến nghị / Suggestions

Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi trong những đợt kiểm toán sau / Points carried forward to subsequent audit

Sau khi hoàn thành công việc lập chương trình kiểm toán, KTV sẽ bắt đầu tiến hành công việc kiểm toán theo chương trình kiểm toán đã được lập. Việc lập kế hoạch kiểm toán chi tiết và chương trình kiểm toán cho khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính giúp cho KTV thực hiện kiểm toán hai khoản mục này có thể hình dung rõ nét các bước công việc cần thực hiện, giúp giảm bớt thời gian thực hiện kiểm toán và nâng cao chất lượng kiểm toán.

2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Trước hết, KTV phải yêu cầu đơn vị cung cấp các tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính như: Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 515, 635; BCTC năm ngoái đã được kiểm toán và BCTC năm nay; Bảng kê chứng từ, Bảng cân đối số phát sinh năm nay; Các chứng từ như bảng tính lãi, giấy báo nợ, giấy báo có, các hợp đồng vay...;

Thực hiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và chi phí tài chính, KTV thực hiện các công việc sau:

- Khảo sát kiểm soát
- Khảo sát cơ bản

a. Khảo sát kiểm soát đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

KTV chọn một số lượng chứng từ tài liệu liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính để kiểm tra và đã được phê duyệt đầy đủ bởi người có thẩm quyền.

KTV tiến hành kiểm tra chính sách kế toán được đơn vị áp dụng để hạch toán cũng như lập và trình bày khoản mục trên BCTC, để xem xét xem các chính sách có nhất quán với năm trước hay không và việc trình bày trên BCTC đã hợp lý và nhất quán hay chưa. Công việc này được trình bày trên GLV I353 “Kiểm tra tuân thủ VAS và các quy định về lập và trình bày BCTC liên quan”

Bảng 2.8: Giấy làm việc I353 “Kiểm tra tuân thủ VAS và các quy định về lập và trình bày BCTC liên quan”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC		
AASC AUDITING FIRM		
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I353
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023	
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 02/03/2024
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses		

Procedure: Kiểm tra tuân thủ VAS và các quy định về lập và trình bày BCTC liên quan/Compliance VAS and regulations check list

Objective:

Đánh giá sự tuân thủ các quy định, hướng dẫn của chuẩn mực kế toán áp dụng liên quan tới việc ghi nhận và trình bày trên BCTC

Đánh giá việc áp dụng nhất quán chính sách kế toán giữa năm nay với năm trước và công bố thông tin.

STT	Quy định/ regulations	Áp dụng	NA	Mô tả	Ảnh hưởng từ việc không áp dụng
	CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN				
1	Tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm: - Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;... - Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác; - Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; - Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ; - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính	Y			

	khác.				
2	Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.				
3	Đối với lãi tiền gửi: Doanh thu không bao gồm khoản lãi tiền gửi phát sinh do hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay sử dụng cho mục đích xây dựng tài sản dở dang theo quy định của Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.	Y			
4	Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...	Y			
5	Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây: - Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ; - Chi phí bán hàng; - Chi phí quản lý doanh nghiệp; - Chi phí kinh doanh bất động sản; - Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản; - Các khoản chi phí được trang trải bằng	Y			

	nguồn kinh phí khác; - Chi phí khác.				
6	<i>Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21):</i> Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo. Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ.	Y			
7	<i>Chi phí tài chính (Mã số 22):</i> Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động liên doanh,... phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo. Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản chi phí tài chính phát	Y			

	sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ.				
8	<i>Chi phí lãi vay (Mã số 23)</i> Chi tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chi tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết Tài khoản 635.	Y			
Finding Việc hạch toán các khoản doanh thu, chi phí tài chính phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán DN Việt Nam hiện hành. Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước. Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán					

b. Khảo sát cơ bản đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Bước 1: Kiểm tra đối chiếu số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Khi tiến hành các thủ tục kiểm tra cơ bản đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV đảm bảo số liệu trên các BCTC khớp với nhau.

- Mục tiêu kiểm tra và đối chiếu số liệu: Đảm bảo số liệu trên BCĐSPS khớp với số trên nhật ký chung và khớp với số dư cuối kỳ trước trên BCTC năm trước đã được kiểm toán.

- Tài liệu thu thập: Sổ cái, sổ chi tiết TK 515, 635; Bảng cân đối số phát sinh (BCĐSPS); BCKiT năm trước.

- Công việc thực hiện: KTV đối chiếu số dư đầu năm các khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trên BCĐSPS với số dư cuối kỳ của BCKiT năm trước; số phát sinh trong kỳ trên BCĐSPS với tổng số phát sinh trên sổ cái từng tài khoản 515, 635 và khớp với số tổng phát sinh từng khoản trong NKC.

Đối chiếu số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được trình bày qua GLV I312: “Kiểm tra đối chiếu số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.

Bảng 2.9: Giấy làm việc I312 “Kiểm tra đối chiếu số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM							
Khách hàng/Client: Công ty ABC				I312			
Kỳ kế toán/ Period: 31/12/2023							
Người thực hiện/Prepared by: BDM				Ngày/Date: 02/03/2024			
Người soát xét/Reviewed by: DTT				Ngày/Date: 03/03/2024			
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses							
Procedure: Đối chiếu số liệu							
Objective: Đối chiếu số liệu giữa BCDPS tài khoản với sổ chi tiết, sổ cái TK 515, 635							
		Dư đầu kỳ		Phát sinh		Dư cuối kỳ	
Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
515	Doanh thu hoạt động tài chính			215.833.446	215.833.446		
5154	Lãi Chênh lệch tỷ giá			9.012.682	9.012.682		
51541	Lãi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư cuối năm			9.012.682	9.012.682		
5156	Lãi tiền gửi Ngân hàng			206.820.764	206.820.764		

51561	Lãi tiền gửi Ngân hàng – không kỳ hạn			206.820.764	206.820.764		
635	Chi phí hoạt động tài chính			2.275.508.222	2.275.508.222		
6351	Chi phí lãi vay			2.275.508.222	2.275.508.222		
63512	Chi phí lãi vay khác			2.275.508.222	2.275.508.222		
Cộng				2.491.341.668	2.491.341.668		

Finding Số đầu năm khớp với BCTC năm trước đã được kiểm toán

Số phát sinh trong năm khớp với Nhật ký chung

Conclusion Không có vấn đề trọng yếu phát sinh

Qua GLV có thể thấy Doanh thu hoạt động tài chính được hình thành từ lãi tiền gửi, và lãi chênh lệch tỷ giá; Chi phí tài chính hình thành chi phí lãi vay khác. Số liệu do kế toán hạch toán đối với hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính đã khớp giữa số dư trên CĐPS với số dư được hạch toán vào sổ cái, sổ chi tiết trong năm nay và trên Báo cáo kiểm toán năm trước. KTV đi tới kết luận là *Không có vấn đề trọng yếu phát sinh*. Tuy nhiên KTV vẫn sẽ phải tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo để có thêm cơ sở để kết luận đối với hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính có vấn đề gì phát sinh hay không.

Bước 2: Thực hiện thủ tục phân tích Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Thủ tục phân tích được thực hiện nhằm phát hiện các biến động bất thường trước khi thực hiện thủ tục KTCT. Thông qua thủ tục này, KTV có thể xác định hướng công việc trong bước tiếp theo.

Mục tiêu thủ tục phân tích: Phân tích biến động số liệu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính qua các năm, và sự biến động giữa các tháng trong năm nay để tìm ra những biến động bất thường qua đó tìm hiểu nguyên nhân tại sao lại có biến động bất thường đó.

Để thực hiện, KTV tiến hành lấy số liệu từ các sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 515 và 635. Công việc này được thể hiện tại GLV I361 và I362 “Thủ tục phân tích Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.

Bảng 2.10: Giấy làm việc I361 “Phân tích xu hướng biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM						
Khách hàng/Client: Công ty ABC				I361		
Kỳ kế toán/ Period: 31/12/2023						
Người thực hiện/Prepared by: BDM				Ngày/Date: 02/03/2024		
Người soát xét/Reviewed by: DTT				Ngày/Date: 03/03/2024		
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses						
Procedure: Thủ tục phân tích/ Analytical procedures						
Objective: Đánh giá sự phù hợp của số liệu báo cáo với tình hình kinh doanh trong kỳ ở mức độ tổng quan; Xem xét sự hợp lý của xu hướng biến động; Tìm ra các xu hướng bất thường và định hướng cho việc kiểm tra chi tiết						
	Năm nay/kỳ này	Tỷ trọng	Năm trước/kỳ trước	Tỷ trọng	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng
	VND	%	VND	%	VND	%
Doanh thu hoạt động tài chính						
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	206.820.764	95,82%	176.508.904	100,00%	30.311.860	17,17%

Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm	9.012.682	4,18%	-	-	-	-
Cộng	215.833.446	100,00%	176.508.904	100,00%	39.324.542	22,28%
Chi phí tài chính						
Lãi tiền vay	2.275.508.222	100,00%	-	-	2.275.508.222	-
Cộng	2.275.508.222	100,00%	-	-	2.275.508.222	-
Phân tích biến động: Doanh thu tài chính năm nay không có biến động lớn, chi phí tài chính năm nay tăng mạnh do năm nay đơn vị phát sinh hai khoản vay trong năm, trong khi năm ngoái đơn vị không phát sinh khoản vay nào. Từ đó KTV đánh giá biến động là phù hợp. Finding Không có vấn đề trọng yếu phát sinh Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán						

Bảng 2.11: Giấy làm việc I362 “Phân tích sự biến động của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính theo tháng”

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC		
AASC AUDITING FIRM		
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I362
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023	
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 02/03/2024
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses		
Procedure: Thủ tục phân tích/ Analytical procedures		
Objective: Đánh giá sự phù hợp của số liệu báo cáo với tình hình kinh doanh trong kỳ ở mức độ tổng quan; Xem xét sự hợp lý của xu hướng biến động; Tìm ra các xu hướng bất thường và định hướng cho việc kiểm tra chi tiết		
Tháng	Doanh thu tài chính	Chi phí tài chính
1	18.121.752	0
2	15.817.674	0
3	14.657.106	0
4	18.228.298	0
5	15.625.986	0
6	17.067.498	0
7	14.103.638	0
8	16.659.300	885.710.958
9	19.116.054	0
10	20.164.826	0
11	19.040.154	0
12	27.231.160	1.389.797.264
Cộng	215.833.446	2.275.508.222

Finding	- Doanh thu tài chính của đơn vị hình thành từ nguồn lãi tiền gửi và không kì hạn và lãi do CLTG. Các tháng biến động đều - Chi phí tài chính là chi phí lãi vay, đơn vị ghi nhận lãi vay gộp theo giai đoạn cho nên chi phí lãi vay tháng 8 và tháng 12 cao.
Conclusion	Đạt mục tiêu kiểm toán

KTV tiến hành phỏng vấn kế toán phụ trách về khoản mục này về sự biến động trên và kết quả nhận được là do trong năm đơn vị có thuê dịch vụ khám sức khỏe với công ty nước ngoài BV nhưng chưa thanh toán và đến cuối năm thực hiện đánh giá lại tỷ giá.

Sau khi tiến hành phân tích từng khoản mục nhỏ của Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV xác định cần phải tập trung vào kiểm tra các khoản mục lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, lãi tiền gửi và lãi vay phải trả do các khoản mục này phát sinh lớn và chiếm phần lớn tỷ trọng trong Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Đây là những phần chứa nhiều rủi ro xảy ra sai phạm nên KTV cần thực hiện thủ tục liên quan để kiểm tra.

Bước 3: Lập bảng tổng hợp đối ứng các tài khoản

Sau khi lập bảng phân tích biến động Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, Kiểm toán viên tiến hành lập Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản.

Công việc thực hiện: Dựa trên NKC đơn vị cung cấp, KTV thực hiện thống kê sự phát sinh các tài khoản con cho từng tài khoản 515, 635 để nhìn thấy số tổng phát sinh, giá trị tương ứng từng đối ứng giữa tài khoản 515, 625 với các tài khoản khác.

Tổng hợp đối ứng tài khoản được thực hiện qua GLV I364: “Kiểm tra đối ứng tài khoản”.

Bảng 2.12: Giấy làm việc I364 “Kiểm tra đối ứng tài khoản”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM					
Khách hàng/Client: Công ty ABC				I364	
Kỳ kế toán/ Period: 31/12/2023					
Người thực hiện/Prepared by: BDM				Ngày/Date: 02/03/2024	
Người soát xét/Reviewed by: DTT				Ngày/Date: 03/03/2024	
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses					
Procedure: Tổng hợp và giải thích đối ứng tài khoản, Rà soát nội dung, liệt kê các nghiệp vụ bất thường					
Objective: Tổng hợp các đối ứng tài khoản để phát hiện các nghiệp vụ đối ứng bất thường; Rà soát tổng thể nội dung các nghiệp vụ kinh tế					
TK 51541 Lãi Chênh lệch tỷ giá - Đã thực hiện					
TK đối ứng	Tên TKĐƯ	Số phát sinh		Nội dung nợ	Nội dung có
		PS Nợ	PS có		
911	Xác định kết quả kinh doanh	9.012.682		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	
33111	Phải trả cho người bán - Ngắn hạn - Hoạt động kinh doanh		9.012.682		Doanh thu tài chính do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kì
	Tổng cộng	9.012.682	9.012.682		

TK 51561 Lãi tiền gửi Ngân hàng - không kỳ hạn

TK đối ứng	Tên TKĐƯ	Số phát sinh		Nội dung nợ	Nội dung có
		PS Nợ	PS có		
911	Xác định kết quả kinh doanh	206.820.764	-	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	
1121	Tiền VND gửi ngân hàng	-	206.820.764		Lãi tiền gửi NH không kỳ hạn
	Tổng cộng	206.820.764	206.820.764		

TK 63512 Chi phí lãi vay khác

TK đối ứng	Tên TKĐƯ	Số phát sinh		Nội dung nợ	Nội dung có
		PS Nợ	PS có		
338813	Phải trả, phải nộp khác - Ngắn hạn - HĐ Tài chính	2.275.508.222	-	Lãi vay phải trả Công ty MN	
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	2.275.508.222		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635
	Tổng cộng	2.275.508.222	2.275.508.222		

Finding Không có đối ứng bất thường**Conclusion** Đạt mục tiêu kiểm toán

Dựa vào các tài liệu do bên đơn vị khách hàng cung cấp, KTV đã tiến hành kiểm tra các nghiệp vụ đối ứng của tài khoản Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, kết quả đạt được đã được ghi rõ ở giấy làm việc trên, không có nghiệp vụ nào phát sinh bất thường, có thể thấy các hoạt động tạo ra Doanh thu tài chính gồm có lãi gửi tiền ngân hàng, lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và lãi vay phải trả; phát sinh Chi phí tài chính là do phát sinh lãi vay phải trả từ việc vay nợ trong năm.

Bước 4: Kiểm tra chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính

Sau khi kiểm tra đối ứng tài khoản KTV tiếp tục kiểm tra đối chiếu chi tiết số liệu để có đầy đủ bằng chứng hình thành nên ý kiến kiểm toán về khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

Mục đích kiểm tra đối chiếu số liệu chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính: Giúp KTV xác định được các trường hợp có số dư bất thường.

Phương pháp thực hiện: KTV kiểm tra sổ cái, sổ nhật ký chung xem xét các nghiệp vụ phát sinh lớn và các nghiệp vụ có đối ứng bất thường để tiến hành KTCT các chứng từ đi kèm nghiệp vụ đó, thực hiện tính toán và đánh giá lại các nghiệp vụ đó để xem xét xem có phù hợp với số liệu trong sổ sách và BCTC hay không, đồng thời phải lưu trữ các bằng chứng thu thập được để lưu lại vào Hồ sơ kiểm toán.

Công việc trên được trình bày trên GLV I383 “Kiểm tra chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.

Bảng 2.13: Giấy làm việc I383 “Kiểm tra chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC							
AASC AUDITING FIRM							
Khách hàng/Client:		Công ty ABC		I383			
Kỳ kế toán/ Period:		31/12/2023					
Người thực hiện/Prepared by: BDM			Ngày/Date: 02/03/2024				
Người soát xét/Reviewed by: DTT			Ngày/Date: 03/03/2024				
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses							
Procedure: Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trong năm							
Objective: Đảm bảo các nghiệp vụ ghi nhận Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được ghi nhận đúng và phù hợp							
TK 51561 Lãi tiền gửi Ngân hàng - không kỳ hạn							
TT	Số chứng từ	Ngày ghi sổ	Nội dung	Tài khoản đối ứng		Số tiền	Chứng từ kiểm tra
				Nợ	Có		
1	BC2001007	2023-01-26	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV- CN Quang Trung T01/2023	1121HEC01	51561	2.661.248	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
2	BC2002002	2023-02-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV- CN Quang Trung T02/2023	1121HEC01	51561	2.701.824	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền

3	BC2003009	2023-03-26	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung T03/2023	1121HEC01	51561	3.367.188	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
4	BC2004008	2023-04-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung 4/2023	1121HEC01	51561	3.143.900	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
5	BC2005012	2023-05-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung 5/2023	1121HEC01	51561	3.543.086	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
6	BC2006009	2023-06-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung 6/2023	1121HEC01	51561	3.392.552	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
7	BC2007008	2023-07-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung 7/2023	1121HEC01	51561	3.512.450	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
8	BC2008009	2023-08-25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng BIDV-CN Quang Trung 8/2023	1121HEC01	51561	3.552.220	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
...	...						
68	BC2001233	2023-12-31	Thu lãi tiền gửi ngân hàng Agribank - CN Hải Dương T12	1121HE03	51562	5.114.960	Sao kê ngân hàng. Kiểm tra khớp ngày, số tiền
Cộng						206.816.434	

TK 51541 Lãi Chênh lệch tỷ giá - Đã thực hiện

STT	Số chứng từ	Ngày ghi sổ	Nội dung	Tài khoản đối ứng		Số tiền	Chứng từ kiểm tra
				Nợ	Có		
1	KT2010007	2023-12-31	Hạch toán chênh lệch tỷ giá thanh toán	33111	51541	9.012.682	Hợp đồng thuê dịch vụ khám sức khỏe số 02, bảng tính chênh lệch tỷ giá
Cộng						9.012.682	

TK 63512 Chi phí lãi vay khác

STT	Số chứng từ	Ngày ghi sổ	Nội dung	Tài khoản đối ứng		Số tiền	Chứng từ kiểm tra
				Nợ	Có		
1	KT2012018	2023-12-31	Chi phí lãi vay NM từ tháng 1/8/23-31/12/23	63512	338813	1.389.797.264	Hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐV/MN-ABC và 02/2023/HĐV/MN-ABC
2	KT2008012	2023-08-31	Lãi vay phải trả Công ty NM	63512	338813	885.710.958	Hợp đồng cho vay số 02/2023/HĐV/MN-ABC
Cộng						2.275.508.222	

Finding Không có vấn đề phát sinh trọng yếu

Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán

KTV dựa vào thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra các giao dịch đối ứng bất thường thì KTV chọn mẫu để kiểm tra chi tiết. Thực hiện kiểm tra chi tiết Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong năm và phải đảm bảo những nghiệp vụ được kiểm tra đều phù hợp với sự phát sinh và hạch toán đầy đủ, đúng đắn và đúng kỳ.

Bước 5: Kiểm tra lại chênh lệch TGHĐ (nếu đơn vị có phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ)

Nếu khách hàng có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và kết quả của thủ tục phân tích cho thấy, lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính, KTV cần phải kiểm tra lại các khoản mục liên quan đến ngoại tệ để xác định rằng DN đã tính toán lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá đúng hay chưa. Để thực hiện, KTV tiến hành rà soát các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ của đơn vị, đánh giá lại các khoản mục này theo quy định (đối với các khoản mục có tính chất là tài sản thì đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng phát sinh giao dịch, đối với các khoản mục có tính chất nợ phải trả thì đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng phát sinh giao dịch).

Công việc trên được trình bày qua GLV I384 “Kiểm tra chênh lệch TGHĐ”.

Bảng 2.14: Giấy làm việc I384 “Kiểm tra lại chênh lệch TGHĐ”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC		 aasc since 1991
AASC AUDITING FIRM		
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I384
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023	
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 02/03/2024
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses		
Procedure: Tính toán lại chênh lệch TGHĐ		

Objective: Đảm bảo các nghiệp vụ ghi nhận Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được ghi nhận đúng và phù hợp

Số CT	Ngày CT	Nội dung	TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
KT2010007	2023-12-31	Hạch toán chênh lệch tỷ giá thanh toán – tỷ giá cuối năm 23.010 Đ/\$	33111	9.012.682	Đơn vị đánh giá CLTG cuối kỳ của khoản phải trả bằng ngoại tệ (nguyên tệ 22.931,62\$ đến cuối năm đánh giá lại 22.539,94\$ phát sinh chênh lệch 391,68\$) tại Ngân hàng BIDV vào TK 51541
Tổng				9.012.682	

Finding Không có vấn đề phát sinh trọng yếu

Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán

Bước 6: Ước tính chi phí lãi vay

Tại khoản mục Chi phí tài chính, KTV cần thực hiện tính toán lại chi phí lãi vay mà đơn vị đã tính toán xem đã chính xác hay chưa. Công việc này được trình bày qua GLV I363 “Ước tính chi phí lãi vay”.

Bảng 2.15: Giấy làm việc I363 “Ước tính chi phí lãi vay”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM					 I363																																																						
Khách hàng/Client: Công ty ABC																																																											
Kỳ kế toán/ Period: 31/12/2023																																																											
Người thực hiện/Prepared by: BDM					Ngày/Date: 02/03/2024																																																						
Người soát xét/Reviewed by: LTTP					Ngày/Date: 03/03/2024																																																						
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses																																																											
Procedure: Ước tính chi phí lãi vay																																																											
Objective: Thực hiện ước tính chi phí lãi vay do đơn vị thực hiện																																																											
Ước tính Chi phí lãi vay																																																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th colspan="10" style="padding: 5px;">Kiểm toán viên tính lại</th> </tr> <tr> <th style="width: 5%;">STT</th> <th style="width: 20%;">Hợp đồng vay</th> <th style="width: 15%;">Số tiền vay</th> <th style="width: 5%;">Lãi suất vay</th> <th style="width: 10%;">Ngày kí hợp đồng</th> <th style="width: 10%;">Ngày cuối kì kế toán</th> <th style="width: 5%;">Ngày tính lãi</th> <th style="width: 10%;">Chi phí lãi vay ước tính</th> <th style="width: 10%;">Chi phí lãi vay đã ghi</th> <th style="width: 5%;">Chênh lệch</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>01/2023/HĐV/ NM-ABC</td> <td style="text-align: right;">11.550.000.000</td> <td style="text-align: center;">9%</td> <td style="text-align: center;">26/04/2023</td> <td style="text-align: center;">31/12/2023</td> <td style="text-align: center;">250</td> <td style="text-align: right;">711.986.302</td> <td style="text-align: right;">711.986.302</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td>02/2023/HĐV/NM-ABC</td> <td style="text-align: right;">34.650.000.000</td> <td style="text-align: center;">9%</td> <td style="text-align: center;">02/07/2023</td> <td style="text-align: center;">31/12/2023</td> <td style="text-align: center;">183</td> <td style="text-align: right;">1.563.521.918</td> <td style="text-align: right;">1.563.521.920</td> <td style="text-align: center;">(2)</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">Cộng</td> <td style="text-align: right;">46.200.000.000</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">2.275.508.220</td> <td style="text-align: right;">2.275.508.222</td> <td style="text-align: center;">(2)</td> </tr> </table>										Kiểm toán viên tính lại										STT	Hợp đồng vay	Số tiền vay	Lãi suất vay	Ngày kí hợp đồng	Ngày cuối kì kế toán	Ngày tính lãi	Chi phí lãi vay ước tính	Chi phí lãi vay đã ghi	Chênh lệch	1	01/2023/HĐV/ NM-ABC	11.550.000.000	9%	26/04/2023	31/12/2023	250	711.986.302	711.986.302		2	02/2023/HĐV/NM-ABC	34.650.000.000	9%	02/07/2023	31/12/2023	183	1.563.521.918	1.563.521.920	(2)	Cộng		46.200.000.000					2.275.508.220	2.275.508.222	(2)
Kiểm toán viên tính lại																																																											
STT	Hợp đồng vay	Số tiền vay	Lãi suất vay	Ngày kí hợp đồng	Ngày cuối kì kế toán	Ngày tính lãi	Chi phí lãi vay ước tính	Chi phí lãi vay đã ghi	Chênh lệch																																																		
1	01/2023/HĐV/ NM-ABC	11.550.000.000	9%	26/04/2023	31/12/2023	250	711.986.302	711.986.302																																																			
2	02/2023/HĐV/NM-ABC	34.650.000.000	9%	02/07/2023	31/12/2023	183	1.563.521.918	1.563.521.920	(2)																																																		
Cộng		46.200.000.000					2.275.508.220	2.275.508.222	(2)																																																		
Finding Không có vấn đề phát sinh trọng yếu																																																											
Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán																																																											

Bước 7: Đối chiếu Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính với các phần hành có liên quan

Đây là bước công việc rất cần thiết để đảm bảo việc thống nhất giữa các phần hành của các thành viên trong nhóm kiểm toán trong việc trao đổi, tổng hợp vấn đề, tránh việc bỏ sót.

Công việc trên được trình bày qua GLV I391 “Đối chiếu doanh thu, chi phí tài chính với các phần hành liên quan”.

Bảng 2.16: Giấy làm việc I391 “Đối chiếu doanh thu, chi phí tài chính với các phần hành liên quan”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC					
AASC AUDITING FIRM					
Khách hàng/Client:	Công ty ABC			I391	
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023				
Người thực hiện/Prepared by:	BDM			Ngày/Date: 02/03/2024	
Người soát xét/Reviewed by:	DTT			Ngày/Date: 03/03/2024	
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses					
Procedure: Đối chiếu doanh thu, chi phí tài chính với các phần hành liên quan					
Objective					
1. Doanh thu tài chính					
Nội dung	Số tiền	Số liệu phần hành liên quan	Chênh lệch	Phần hành tham chiếu	Ghi chú
Lãi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	9.012.682	9.012.682	-	B1- Phải trả người bán	Phù hợp
Lãi tiền gửi Ngân hàng – không kỳ hạn	206.820.764	206.820.764	-	A1- Tiền và tương đương tiền	Phù hợp
Tổng	215.833.446	215.833.446	-		

2. Chi phí tài chính

Nội dung	Số tiền	Số liệu phần hành liên quan	Chênh lệch	Phần hành tham chiếu	Ghi chú
Chi phí lãi vay khác	2.275.508.220	2.275.508.222	-	E1-Vay và nợ thuê tài chính	Phù hợp
Tổng	2.275.508.220	2.275.508.222	-		

Finding Không có vấn đề trọng yếu phát sinh

Conclusion Đạt mục tiêu kiểm toán

2.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Sau khi hoàn thành xong các công việc liên quan đến việc kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV cần phải tổng hợp các vấn đề đề trưởng nhóm kiểm toán căn cứ vào đó lập nên Báo cáo kiểm toán. KTV đánh giá có sai phạm trọng yếu nào trong phần hành Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính hay không. KTV trả lời những câu hỏi quan trọng sau: hệ thống KSNB hoạt động có ổn định không; quy chế về kiểm soát Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính và nhân viên chốt chẽ có được áp dụng hiệu quả không; có sự tách biệt giữa các chức năng phê duyệt, ghi sổ, hạch toán Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính và các nghiệp vụ khác có liên quan không; việc ghi nhận Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được thực hiện đúng kỳ, đầy đủ thủ tục không.

Tổng hợp vấn đề phát sinh: Sau khi tổng hợp số phát sinh sau kiểm toán, KTV trình bày các bút toán điều chỉnh và tổng hợp các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán mà KTV thu thập được. Công việc trên được trình bày trên GLV I32 “Các vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán và giải thích”.

Bảng 2.17: Giấy làm việc I32 “Các vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán và giải thích”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM			
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I32	
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023		
Người thực hiện/Prepared by: BDM		Ngày/Date: 03/03/2024	
Người soát xét/Reviewed by: DTT		Ngày/Date: 03/03/2024	
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses			
Work done: Bút toán đề nghị điều chỉnh / Proposed adjusted entries			
Vấn đề phát sinh / Notes on issues		W/P	Giải thích và đề xuất/ Explanations and suggestions
No.	Content		
	Không có vấn đề phát sinh	-	-

Kiến nghị về bút toán điều chỉnh: Từ các vấn đề phát sinh, KTV đưa ra kiến nghị các bút toán điều chỉnh. Công việc trên được trình bày trên GLV I33 “Bút toán đề nghị điều chỉnh”.

Bảng 2.18: Giấy làm việc I33 “Bút toán đề nghị điều chỉnh”

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC AASC AUDITING FIRM				
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I33		
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023			
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 03/03/2024		
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024		
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses				
Work done: Bút toán đề nghị điều chỉnh / Proposed adjusted entries				
Chi tiết	WP Ref	TK điều chỉnh		Số tiền
		Nợ	Có	
Không có bút toán điều chỉnh	-	-	-	-

❖ *Đánh giá về khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính:*

Sau quá trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV kết luận số liệu về khoản mục này trên Báo cáo KQHĐKD của năm tài chính 2023 của khách hàng: các khía cạnh trọng yếu đơn vị đã phản ánh trung thực, hợp lý đối với hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, đảm bảo thỏa mãn các cơ sở dẫn liệu; trên BCKQHĐKD các số liệu của khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính là thích hợp và đảm bảo tính trung thực dựa trên cơ sở các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với năm trước.

❖ Soát xét của trưởng nhóm kiểm toán và tổng hợp số liệu sau kiểm toán:

Công việc cuối cùng của giai đoạn kết thúc kiểm toán là KTV đưa cho trưởng nhóm soát xét toàn bộ giấy tờ làm việc để trưởng nhóm kiểm tra và thống nhất ý kiến với đơn vị.

Trưởng nhóm kiểm toán xem xét các vấn đề được đưa ra, trao đổi với khách hàng về các vấn đề liên quan đến khoản Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, KTV đưa ra ý kiến đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trên BCTC năm 2023. Kết quả khi kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính tại khách hàng được trình bày trên GLV I311: “Tổng hợp số liệu sau kiểm toán về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”.

Bảng 2.19: Giấy làm việc I311: “Tổng hợp số liệu sau kiểm toán về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC				
AASC AUDITING FIRM				
Khách hàng/Client:	Công ty ABC	I311		
Kỳ kế toán/ Period:	31/12/2023			
Người thực hiện/Prepared by:	BDM	Ngày/Date: 03/03/2024		
Người soát xét/Reviewed by:	DTT	Ngày/Date: 03/03/2024		
Subject: Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính/ Financial income and expenses				
Work done: Tổng hợp số liệu/ Lead schedules				
Mã TK	Khoản mục	Trước kiểm toán	Điều chỉnh	Sau kiểm toán
515	Doanh thu hoạt động tài chính	215.833.446	-	215.833.446
5154	Lãi Chênh lệch tỷ giá	9.012.682	-	9.012.682
51541	Lãi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư	9.012.682	-	9.012.682
5156	Lãi tiền gửi Ngân hàng	206.820.764	-	206.820.764

51561	Lãi tiền gửi Ngân hàng – không kỳ hạn	206.820.764	-	206.820.764
635	Chi phí hoạt động tài chính	2.275.508.222	-	2.275.508.222
6351	Chi phí lãi vay	2.275.508.222	-	2.275.508.222
63512	Chi phí lãi vay khác	2.275.508.222	-	2.275.508.222
	Tổng	2.491.341.668	-	2.491.341.668
Kết luận / Conclusion: Đạt mục tiêu kiểm toán				

2.3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

Với 30 năm xây dựng và phát triển, AASC đã xây dựng thương hiệu đáng tin cậy với khách hàng trong nước cũng như nước ngoài. Để gây dựng được thành công đó một phần nhờ đội ngũ lãnh đạo và nhân viên Công ty không ngừng nỗ lực làm việc, nâng cao chất lượng dịch vụ trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên, đối với kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, quy trình kiểm toán có những ưu điểm và hạn chế như sau:

2.3.1. Đánh giá về ưu điểm

2.3.1.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Công ty có một đội ngũ những KTV giàu kinh nghiệm với lòng nhiệt huyết luôn mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất. Hàng năm nhân viên của Công ty đều được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn qua các khóa đào tạo. Mặt khác, mỗi nhân viên AASC đều nhận thức được trách nhiệm và nhiệm vụ của mình trong công việc cũng như trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín của Công ty. Một điều đặc

biệt nữa là cán bộ, nhân viên của Công ty tuổi đời còn rất trẻ, có kiến thức, ham học hỏi và sáng tạo, đây chính là một lợi thế của AASC trong quá trình cạnh tranh khốc liệt với các công ty khác trong lĩnh vực kiểm toán.

Đối với khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV và các trợ lý kiểm toán luôn tuân thủ đầy đủ các bước công việc từ tìm hiểu thông tin về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính của khách hàng, tìm hiểu hệ thống KSNB, đánh giá tính trọng yếu, rủi ro... và lập kế hoạch cụ thể để thực hiện kiểm toán.

2.3.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Thực hiện thử nghiệm kiểm soát: Quy trình thực hiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được KTV chọn lọc những thủ tục phù hợp với quy mô của khách hàng. Thử nghiệm kiểm soát thực hiện nếu hệ thống KSNB được đánh giá là tồn tại và hoạt động liên tục, hiệu quả, khi đó thủ tục phân tích và thủ tục KTCT sẽ có thể giảm bớt. Thủ tục phân tích đưa ra cái nhìn khái quát về sự biến động giá trị Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Bước KTCT được thực hiện đầy đủ từ tổng hợp đến cụ thể giúp KTV nhanh chóng nắm được những vấn đề trọng yếu trong khoản mục.

Thực hiện thủ tục phân tích: Thủ tục phân tích không tạo ra được những bằng chứng chắc chắn nhưng giúp cho KTV có được những nhận xét khách quan về đối tượng kiểm toán là khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Với những phân tích như phân tích ngang, phân tích dọc, hay phân tích xu hướng cho thấy các biến động của số liệu hay những nghi ngờ có sai sót. Từ kết quả của thủ tục phân tích, KTV phải làm rõ sự hợp lý của kết quả này qua các thủ tục KTCT hay những giải trình của khách hàng.

Thủ tục kiểm tra chi tiết: KTV thực hiện rà soát các nghiệp vụ mang tính bất thường, sau đó sẽ chọn mẫu các nghiệp vụ để KTCT. KTV thường chọn mẫu các nghiệp vụ có giá trị lớn và mang nhiều nghi ngờ sai sót có thể xảy ra để tiến hành

KTCT. Khối lượng kiểm tra cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Điều này làm căn cứ cho việc đưa ra các nhận xét một cách chính xác nhất về khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

2.3.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này KTV xem xét, tổng kết lại toàn bộ các công việc kiểm toán đã thực hiện, xem xét, đánh giá các phát hiện và đưa ra các bút toán điều chỉnh (nếu có), thảo luận với ĐVKH về kết quả kiểm toán để có thể thực hiện công việc cuối cùng là phát hành BCKiT và thư quản lý.

Để đưa ra ý kiến cuối cùng thì phải được soát xét bởi 3 cấp: Trưởng nhóm kiểm toán; Trưởng phòng và BGĐ, nhờ đó mà AASC có thể kiểm soát được chất lượng của các cuộc kiểm toán. Các kết quả kiểm toán của Công ty nói chung và khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng đều có tính chính xác cao, là điều kiện thuận lợi cho việc phát hành BCKiT và thư quản lý.

2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại

2.3.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

- *Thứ nhất về thu thập thông tin khách hàng:*

Công tác thu thập thông tin khách hàng của AASC được thực hiện khá đầy đủ và chi tiết, tuy nhiên còn phụ thuộc khá nhiều và giấy tờ làm việc của những cuộc kiểm toán năm trước (đối với những khách hàng đã sử dụng dịch vụ kiểm toán). Do vậy, việc đánh giá rủi ro kiểm toán phụ thuộc nhiều vào những nhận xét của cuộc kiểm toán trước. Mặc dù tiết kiệm được thời gian nhưng có thể chịu rủi ro cao nếu năm nay khách hàng có những thay đổi trọng yếu ảnh hưởng đến cuộc kiểm toán mà KTV có thể còn chưa nắm bắt, phân tích được.

- *Thứ hai về tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng:*

Trong một cuộc kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng thì khâu đánh giá hệ thống KSNB là rất quan trọng, nó ảnh hưởng việc đưa ra mức trọng yếu cho những khoản mục

cần kiểm toán. Nhưng việc này lại được thực hiện với thời gian không nhiều trong mùa kiểm toán làm cho công việc thực hiện không được thực hiện đầy đủ, ảnh hưởng đến những quyết định được đưa về tính trọng yếu cần xác định cho từng khoản mục trong đó có khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính. Công ty sử dụng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn để tiến hành đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng đối với Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính gây ra sự thiếu linh hoạt đối với từng đối tượng khách hàng có mô hình DN cũng như các đặc điểm kinh doanh khác nhau, từ đó KTV có thể đưa ra phán đoán nghề nghiệp về các rủi ro sai lệch ảnh hưởng đến việc xác định quy mô, phạm vi, thời gian của cuộc kiểm toán làm ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc kiểm toán. Việc này tiết kiệm được thời gian nhưng không đầy đủ với các loại hình DN.

- *Thứ ba về đánh giá rủi ro và xác định mức trọng yếu:*

Việc xác định chỉ tiêu trọng yếu cũng như tỉ lệ tương ứng mang tính chủ quan rất nhiều của KTV. Nếu KTV nhận định không hợp lý sẽ làm cho công tác kiểm toán gặp rủi ro lớn. AASC chưa thực hiện phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục. Do đó, việc xác định phạm vi cho từng khoản, nghiệp vụ cũng như khả năng thu thập bằng chứng của từng khoản mục sẽ khó khăn hơn.

- *Thứ tư về thực hiện chương trình kiểm toán:*

Công ty xây dựng chương trình kiểm toán dựa trên chương trình kiểm toán mẫu của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA). Đây là chương trình chuẩn áp dụng cho mọi khách hàng. Tuy nhiên, đối với những khách hàng khác nhau thì sẽ có sự khác nhau về đặc điểm hoạt động kinh doanh. Do vậy, việc sử dụng chương trình kiểm toán mẫu kém linh hoạt sẽ hạn chế công tác kiểm toán.

2.3.2.2. *Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

- *Thứ nhất về thủ tục phân tích:*

Chưa áp dụng sâu và rộng, chỉ phân tích xu hướng và phân tích sự biến động, nhiều khi là thực hiện một cách cứng nhắc nên không đem lại hiệu quả cao mà chỉ đưa đến cho KTV những nhận xét khái quát về khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

- Phân tích xu hướng: Mặc dù có những ưu điểm nhất định nhưng phân tích xu hướng không phải là thủ tục hữu hiệu nhất trong mọi trường hợp. Từ đó, dẫn tới hạn chế trong việc chọn mẫu kiểm toán.

- Phân tích sự biến động: Không đặt trong mối quan hệ với bình quân của ngành, nghề hay lĩnh vực kinh doanh cụ thể. GLV về các thủ tục phân tích biến động theo tháng chưa đáp ứng được việc phục vụ phân tích biến động theo tháng, chưa thể hiện được tỷ trọng của từng loại doanh thu trong tổng doanh thu, chi phí trong tổng chi phí của một tháng cũng như tỷ trọng của mỗi doanh thu, chi phí trong 12 tháng, việc phân tích cũng chưa giúp KTV có cái nhìn toàn diện biến động doanh thu và chi phí. Điều này đưa đến một cái nhìn chưa thực sự chính xác về xu hướng biến động các chỉ tiêu, tỷ số của đơn vị.

Thứ hai về phương pháp chọn mẫu:

Hiện tại, AASC chọn mẫu chủ yếu dựa vào quy mô nghiệp vụ và những phán đoán của KTV, thường tập trung vào thời điểm đầu và cuối năm, cách này có những ưu điểm và hạn chế nhất định tùy thuộc vào điều kiện áp dụng cụ thể. Phương pháp chọn mẫu này sẽ phát huy đối với những DN nhỏ với số lượng và quy mô các nghiệp vụ phát sinh ít. Tuy nhiên, đối với các DN lớn, các tổng công ty hay tập đoàn, các nghiệp vụ phát sinh nhiều, do đó, quy mô mẫu chọn lớn, tốn nhiều thời gian và công sức, gây ảnh hưởng đến tiến độ chung của cuộc kiểm toán.

Thứ ba về việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát:

Trong giai đoạn này hai khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính thường không được chú trọng một phần là do thời gian tiến hành cuộc kiểm toán rất ngắn nên các KTV chủ yếu là thực hiện các thủ tục KTCT.

Thứ tư về kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ phát sinh:

Thường được tiến hành chọn mẫu đối với những nghiệp vụ với số tiền lớn, bất thường tùy theo phán đoán chủ quan của KTV nên có thể bị bỏ sót nhiều sai phạm mà đơn vị cố tình che giấu. Nhất là đối với khách hàng quen thuộc, các KTV ít kinh nghiệm thường chỉ tập trung vào các vấn đề tồn đọng của đơn vị phát hiện được từ cuộc kiểm toán trước, từ đó mà bỏ quên các vấn đề sai phạm khác có thể xảy ra.

2.3.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:

Thứ nhất, về kiểm soát chất lượng:

Ở một số hồ sơ kiểm toán việc trình bày các thủ tục trên giấy tờ chưa đầy đủ, hồ sơ một số khách hàng chưa được KTV đánh tham chiếu đủ vào các giấy tờ làm việc.

Thứ hai, về hồ sơ kiểm toán:

Giấy tờ làm việc của AASC không phải lúc nào cũng được trình bày nhất quán về nội dung cũng như hình thức của giấy tờ theo quy định để thuận tiện cho quá trình phát hiện và xử lý sai phạm, tổng hợp kết quả và soát xét. Một số giấy tờ làm việc của công ty còn quá ngắn gọn, khó đánh giá chi tiết. Thêm vào đó, thời gian phát hành báo cáo của mỗi khách hàng là khác nhau, KTV thường trong tình trạng vừa thực hiện kiểm toán cho khách hàng này vừa phát hành báo cáo cho khách hàng khác. Ngoài ra, các file kiểm toán, hồ sơ kiểm toán chưa thể hoàn thiện ngay được nên điều này cũng ảnh hưởng tới chất lượng của cuộc kiểm toán.

Thứ ba, về nội dung kết luận khoản mục:

KTV ít trình bày trên giấy tờ làm việc các hạn chế có liên quan đến hệ thống KSNB đối với khoản mục Doanh thu tài chính và chi phí tài chính, chỉ đưa ra kết luận của KTV đối với khoản mục TSCĐ đã được kiểm toán và đưa ra các bút toán điều chỉnh cần thiết, ảnh hưởng tới việc tổng hợp nội dung cho việc lập thư quản lý vì có thể bỏ sót thông tin và trình bày sơ sài.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

3.1.1. Định hướng phát triển của công ty trong những năm tới

Mục tiêu phát triển của AASC là trở thành một trong các công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các dịch vụ chuyên ngành có giá trị tới khách hàng bằng phương pháp làm việc chuyên nghiệp, tiếp cận công việc khoa học và sự hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực kinh doanh trong nền kinh tế và các quy định pháp luật của Việt Nam. Thông qua các dịch vụ chuyên ngành được cung cấp, Công ty luôn trợ giúp khách hàng đổi mới và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, phát huy mọi tiềm lực để tạo ra những giá trị vượt trội.

Không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng, nhân viên và Công ty bằng chất lượng dịch vụ và hiệu quả công việc là mục tiêu hoạt động của Công ty. Công ty cam kết sẽ đồng hành, đóng góp vào sự phát triển của Quý khách hàng.

3.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kiểm toán bctc do công ty TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC thực hiện

Sự cần thiết phải hoàn thiện quy trình và PPKT khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC tại AASC được trình bày trên các cơ sở như sau:

- *Xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng kiểm toán BCTC trong xu thế hội nhập hiện nay:*

Hiện nay, trong thời đại phát triển của khoa học – công nghệ, vai trò của thông tin ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nắm bắt được thông tin chính xác sẽ giúp cho con người đưa ra được quyết định đúng đắn. Đối với tình hình tài chính của một công ty cũng vậy, BCTC là báo cáo công khai tình hình “sức khỏe” của công ty đó. Nó giúp các đối tượng liên quan đến công ty cũng như phía các cơ quan quản lý Nhà nước đưa ra nắm bắt được tình hình hoạt động cũng như sự biến động về tài sản, nguồn vốn của các đơn vị để đưa ra những quyết định có tính chính xác cao. Xuất phát từ điều đó, hoạt động KTĐL góp phần xác minh được tính trung thực, hợp lý của các thông tin phản ánh trên BCTC. Từ đó, tình hình tài chính của công ty trở nên đáng tin cậy hơn đối với các đối tượng sử dụng thông tin.

- *Xuất phát từ hạn chế trong quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC:*

Từ thực tế kiểm toán Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do AASC thực hiện, có thể thấy quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính vẫn còn một số mặt hạn chế cần được hoàn thiện bởi những đặc tính mới mẻ và phức tạp của hai khoản mục này. Do đó, hoàn thiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính sẽ góp phần giảm rủi ro phát hiện từ đó giảm rủi ro kiểm toán, nâng cao chất lượng kiểm toán đối với khách hàng và giữ được uy tín, thị phần của AASC trên thị trường kiểm toán Việt Nam.

3.2. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện quy trình và PPKT khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC là cần thiết, tuy nhiên phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Thứ nhất, các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính phải phù hợp với thông lệ quốc tế, chuẩn mực kiểm toán, kế toán Quốc tế, chuẩn mực kiểm toán, kế toán Việt Nam; phải phù hợp với nguyên tắc hoạt động của Công ty kiểm toán, đảm bảo sự phát triển của Công ty;

- Thứ hai, các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính phải chú trọng đến tính hiệu lực, hiệu quả và kinh tế của hoạt động kiểm toán;

- Thứ ba, các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính phải đảm bảo tính đồng bộ;

- Thứ tư, các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính vừa mang ý nghĩa lý luận, vừa đảm bảo tính ứng dụng trong công tác kiểm toán;

- Thứ năm, các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phải đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện đồng thời cũng phải đảm bảo được tính đơn giản, hiệu quả tiết kiệm và dễ làm, người đọc dễ hiểu và đặc biệt là phù hợp với nhu cầu hiện nay của khách hàng.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Để công tác hoàn thiện kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính thực sự mang lại tình hiệu quả, đáp ứng được những nhiệm vụ quy định thì đơn vị kiểm toán cần đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

Đối với Kiểm toán viên:

- Phải có kiến thức vững vàng về kế toán, kiểm toán nói chung và về Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng: Vì khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được đánh giá là phức tạp và tương đối mới mẻ nên khi bố trí nhân sự, đơn vị cần ưu tiên những kiểm toán viên hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng;

- Phải thường xuyên cập nhật nâng cao kiến thức về các văn bản quy định mới nói chung và kiến thức về kế toán, kiểm toán, thuế nói riêng;

- Quá trình thực hiện kiểm toán phải tuyệt đối tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định có liên quan, vận dụng linh hoạt quy trình kiểm toán mà CTKT đã xây dựng;

- Phải giữ vững được tính độc lập, chính trực và bảo mật trong kiểm toán, luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện công việc.

Đối với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC:

Để hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng thì AASC cần đảm bảo những yêu cầu như sau:

- Các giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán cần phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của AASC hiện nay và tính đến sự phát triển trong xu thế hội nhập;

- Các giải pháp hoàn thiện về quy trình kiểm toán cần đảm bảo sự phù hợp giữa lợi ích và chi phí cho hoạt động kiểm toán, hay nói cách khác là phải có tính hiệu quả.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC KHOẢN MỤC DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC THỰC HIỆN

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Thứ nhất về thu thập thông tin khách hàng:

Thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng là việc rất quan trọng trong một cuộc kiểm toán. Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, bên cạnh việc sử dụng GLV của KTV năm trước, cần đi sâu vào tìm hiểu những thay đổi của khách hàng trong năm nay để có hiểu biết đầy đủ về khách hàng. Trong quá trình kiểm toán, KTV luôn phải xem xét, đánh giá, cập nhật và bổ sung thêm các thông tin mới về đơn vị được kiểm toán có liên quan đến khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính.

Thứ hai về tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng:

Hệ thống KSNB là một hệ thống chính sách và thủ tục được thiết lập nhằm đạt được bốn mục tiêu sau: bảo vệ tài sản của đơn vị, đảm bảo độ tin cậy của các thông tin, bảo đảm việc thực hiện chế độ pháp lý và đảm bảo hiệu quả của hoạt động. Tìm hiểu và đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng được đánh giá là rất quan trọng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Việc đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng giúp cho KTV hạn chế được rủi ro kiểm soát đồng thời có thể tiết kiệm được chi phí kiểm toán.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm toán nói chung và kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán KTV có thể linh động hơn trong việc đặt các câu hỏi về hệ thống KSNB, có thể thêm vào các câu hỏi mà trong mẫu sẵn chưa có cho phù hợp với từng ĐVKH. Các thông tin thu thập được trong quá trình tìm hiểu nên được tóm tắt, nhấn mạnh điểm cần lưu ý trên các giấy tờ làm việc, đồng thời sử dụng các bảng tường thuật hoặc các lưu đồ để phát hiện những hạn chế của hệ thống KSNB làm cơ sở cho việc đánh giá hệ thống này cụ thể.

Thứ ba về đánh giá rủi ro và xác định mức trọng yếu:

Về đánh giá rủi ro kiểm toán:

- Tập huấn cho KTV về tầm quan trọng của công tác đánh giá rủi ro kiểm toán trong mỗi cuộc kiểm toán, nó có ảnh hưởng quyết định tới chất lượng của cuộc kiểm toán như thế nào.

- Quy định trong hồ sơ kiểm toán mỗi khách hàng đều phải có quy trình đánh giá rủi ro kiểm toán và tăng cường kiểm tra sự đầy đủ của các hồ sơ kiểm toán.

Về xác định mức trọng yếu:

Công ty cần phải xem xét lại vấn đề về phân bổ mức trọng yếu cho từng chu trình, từng khoản mục nói chung và khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng. Tiến hành xây dựng tỷ lệ trọng yếu phân bổ cho từng chu trình tùy theo đặc điểm, tính chất của chu trình đó. Điều này sẽ giúp cho việc xác định phạm vi cho từng khoản, nghiệp vụ cũng như khả năng thu thập bằng chứng của từng khoản mục trở nên đơn giản và hiệu quả hơn.

Thứ tư về chương trình kiểm toán:

Chương trình kiểm toán được thiết kế dựa trên rủi ro được xác định cho từng khách hàng kiểm toán. Mỗi khách hàng đều có đặc điểm hoạt động kinh doanh sản xuất riêng biệt nên việc áp dụng thủ tục kiểm toán như nhau không đảm bảo tính toàn diện, bao quát tất cả các khía cạnh của cuộc kiểm toán. Công ty nên thiết kế chương trình kiểm toán mang tính khung xương và sẽ xây dựng chương trình kiểm toán phù hợp với từng khách hàng, từ đó đối với mỗi khách hàng cụ thể cần phải thiết kế lại, có thể thêm hoặc bớt các thủ tục sao cho phù hợp. Ngoài ra, dựa trên chương trình kiểm toán sẽ tạo ra được mối liên hệ giữa các thành viên trong nhóm kiểm toán, tăng khả năng phối hợp giữa các KTV với nhau. Việc phân chia thiết kế chương trình phù hợp sẽ khiến cho công việc không bị trùng lặp mà vẫn bao phủ được toàn bộ chương trình kiểm toán. Điều này đặt ra yêu cầu là KTV phải có kinh nghiệm, hiểu biết một cách đầy đủ về khách hàng để có thể đưa ra chương trình kiểm toán thích hợp nhất.

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn thực hiện kiểm toán

Thứ nhất về thực hiện các thử nghiệm kiểm soát:

Trong quá trình kiểm toán, KTV cần thực hiện các thử nghiệm kiểm soát ở cấp độ cao hơn nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp về thiết kế và vận hành của hệ thống KSNB nói chung và đối với từng khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng. Các thử nghiệm kiểm soát đánh giá hệ thống KSNB sẽ tác động đến quy mô mẫu KTCT do kiểm toán viên lựa chọn, và gián tiếp ảnh hưởng tới tính đầy đủ của BCKT. Bên cạnh đó, KTV cũng nên có kế hoạch kiểm toán về mặt thời gian một cách phù hợp để có thể thực hiện đầy đủ các thử nghiệm cần thiết, cụ thể thường KTV chỉ có hai ngày để trực tiếp tiến hành thực hiện kiểm toán tại ĐVKH, vì vậy nên mở rộng thời gian trong giai đoạn kiểm toán lên thành ba ngày trở lên hoặc tùy theo quy mô của khách hàng mà lựa chọn thời gian phù hợp.

Thứ hai về thực hiện thủ tục phân tích:

Thủ tục phân tích là thủ tục quan trọng trong mỗi cuộc kiểm toán để có cái nhìn tổng thể, phát hiện những biến động bất thường nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho cuộc kiểm toán. Quy trình phân tích trong kiểm toán BCTC là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng, biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến. Thủ tục này giúp KTV tìm kiếm và phát hiện các gian lận sai sót trọng yếu trong BCTC thông qua việc phân tích các thông tin tài chính và thông tin phi tài chính.

KTV cần áp dụng linh hoạt các kỹ thuật phân tích như kỹ thuật phân tích xu hướng và kỹ thuật phân tích tỷ suất. Sự kết hợp khéo léo giữa hai kỹ thuật này sẽ giúp KTV nâng cao hiệu quả của thủ tục phân tích, giúp KTV ước tính số dư hay số phát sinh trên BCTC, so sánh số ước tính với số liệu thực tế trên sổ sách của khách hàng, xác minh sai số có thể chấp nhận, tỷ lệ chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu...

Thứ ba về phương pháp chọn mẫu:

Hiện tại, AASC chọn mẫu chủ yếu dựa vào quy mô nghiệp vụ và những phán đoán của KTV, thường tập trung vào thời điểm đầu và cuối năm, cách này có những ưu điểm và hạn chế nhất định tùy thuộc vào điều kiện áp dụng cụ thể.

Để thủ tục chọn mẫu có được kết quả cao, KTV cần phải dựa vào kết quả của thủ tục phân tích trước đó, từ đó tập trung vào các điểm bất thường có khả năng sai phạm cao và trọng yếu. Tuy nhiên dù kỹ thuật chọn mẫu này có thể khắc phục được nhiều khuyết điểm của cách chọn mẫu cũ nhưng đây chỉ là cách chọn mẫu thủ công có thể mất nhiều thời gian và kỹ thuật do KTV thực hiện nên vẫn chịu ảnh hưởng nhiều về quan điểm của KTV.

Thứ tư về thủ tục kiểm tra chi tiết:

Kiểm tra chi tiết do AASC thực hiện chủ yếu dựa trên các kinh nghiệm của KTV cũng như các định hướng có sẵn trong kế hoạch mà tiến hành chọn mẫu để kiểm tra.

Chọn mẫu kiểm toán là quá trình chọn một nhóm các phần tử hoặc đơn vị (gọi là mẫu) từ một tập hợp lớn các phần tử hoặc đơn vị (gọi là tổng thể) và sử dụng các đặc trưng của mẫu để suy rộng cho đặc trưng của toàn bộ tổng thể. Trên thực tế tiến hành kiểm toán, do các nghiệp vụ phát sinh trong một doanh nghiệp nói chung cũng như các nghiệp vụ liên quan đến khoản mục doanh thu tài chính và chi phí tài chính nói riêng có số lượng rất lớn nên KTV không thể tiến hành kiểm tra toàn bộ vì ảnh hưởng đến thời gian kiểm toán và chi phí kiểm toán. Vì vậy, KTV lựa chọn phương pháp chọn mẫu kiểm toán để lựa chọn những nghiệp vụ cần kiểm tra. Vấn đề cơ bản của việc chọn mẫu là phải chọn được mẫu đại diện cho tổng thể, nếu mẫu được chọn không mang tính đại diện thì sẽ dẫn đến rủi ro chọn mẫu và ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc kiểm toán.

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện giai đoạn kết thúc kiểm toán

Công ty kiểm toán và các KTV cần bố trí nhân sự và thời gian kiểm toán cho phù hợp, để đảm bảo cho công việc soát xét các giấy tờ làm việc, soát xét các bằng chứng kiểm toán và công việc mà kiểm toán viên đã thực hiện được thực hiện cẩn trọng và tỉ mỉ hơn. Công ty có thể áp dụng quy trình soát xét theo 3 cấp độ: trưởng nhóm kiểm toán – giám đốc kiểm toán – ban giám đốc khi thực hiện cho những khách hàng quan trọng, phức tạp. Đồng thời, khi thực hiện từng phần việc của mình, KTV nên ghi lại đầy đủ công việc đã tiến hành và liệt kê ngay giấy tờ làm việc này vào một Danh sách giấy tờ làm việc cá nhân để tạo thuận lợi cho việc soát xét.

KẾT LUẬN

Chương 1 của luận văn đã khái quát và làm rõ những lý luận cơ bản về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC bao gồm: Khái quát chung về khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính, khái quát về kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán Báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán Báo cáo tài chính do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Những lý luận cơ bản ở chương 1 sẽ làm cơ sở để phân tích và đánh giá thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện ở chương 2.

Chương 2 đã trình bày khái quát thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện bao gồm: Khái quát chung về Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán Báo cáo tài chính và nhận xét, đánh giá về quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Thông qua thực trạng kiểm toán cho thấy những ưu điểm cũng như những mặt hạn chế còn tồn đọng đối với quy trình kiểm toán hai khoản mục trên. Đây là cơ sở để đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính được trình bày ở chương 3.

Chương 3, em đã trình bày về sự cần thiết của việc hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính cùng với những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp giúp khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong quy trình kiểm toán nói chung và quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu tài chính và Chi phí tài chính nói riêng do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

thực hiện dựa vào các kiến thức cá nhân được trau dồi thông qua quá trình học tập cũng như thực tập tại Công ty.

KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển vô cùng mạnh mẽ, thông tin tài chính, đầu tư luôn là những vấn đề được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy minh bạch và phản ánh trung thực thông tin tài chính cần phải được chú trọng. Do đó Kiểm toán là một ngành không thể thiếu trong công cuộc phát triển của kinh tế nước ta. Nằm trong xu thế đó, sau nhiều năm xây dựng và phát triển không ngừng, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã tạo dựng được thương hiệu và uy tín của mình trên thị trường kiểm toán trong nước.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, em đã được tiếp xúc với một môi trường làm việc chuyên nghiệp và được vận dụng những kiến thức mình học được ở trường vào một phần công việc cụ thể đồng thời cũng nâng cao được hiểu biết của bản thân về quy trình kiểm toán BCTC tại công ty. Trong quá trình thực tập, em đã được các anh chị tạo mọi điều kiện thuận lợi và cùng với sự chỉ bảo hướng dẫn tận tình của Cô Phạm Thị Kim Oanh. Chính vì thế em đã có thể thực hiện tốt công việc của mình trong thời gian thực tập tại Công ty. Đó cũng là cơ sở để em thực hiện đề tài này.

Một lần nữa em xin trân trọng cảm ơn cô Phạm Thị Kim Oanh cùng với các anh chị trong Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã tận tình giúp đỡ em trong khoảng thời gian vừa qua. Do trình độ có hạn, thời gian tìm hiểu thực tế chưa nhiều, bài luận văn chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản nhất cũng như chỉ mới đưa ra những ý kiến bước đầu, chắc hẳn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo trong bộ môn Kiểm toán - Học viện Tài chính, cùng các anh chị trong Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), “*Thông tư 200- Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*”.
2. Bộ Tài chính (2012), “*Thông tư 214/2012/TT-BTC- Ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*”.
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, “Báo cáo minh bạch”, Hà Nội.
4. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, “Giấy tờ làm việc kiểm toán BCTC tại Công ty ABC”, Hà Nội.
5. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, “Tài liệu lưu hành nội bộ”, Hà Nội.
6. PGS. TS. Nguyễn Trọng Cơ và PGS.TS. Thịnh Văn Vinh (2017), “Kiểm toán căn bản”, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
7. PGS. TS. Nguyễn Trọng Cơ và PGS.TS. Thịnh Văn Vinh (2021), “*Kiểm toán Báo cáo tài chính căn bản*”, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
8. Phạm Tiến Hưng và Lưu Đức Tuyên (2012), “Giáo trình Kiểm toán các thông tin tài chính khác”, Nhà xuất bản Tài Chính, Hà Nội.
9. PGS.TS. Thịnh Văn Vinh và PGS.TS. Giang Thị Xuyên (2012), “Giáo trình Tổ chức quá trình Kiểm toán báo cáo tài chính”, Nhà xuất bản Tài Chính, Hà Nội.
10. Website của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC: www.aasc.com.vn.
11. Website của Hội kiểm toán viên hành nghề: www.vacpa.org.vn.